

SỐ 11 - THÁNG 12 - 2013

GIÁO HUẤN XÃ HỘI CÔNG GIÁO

BAN MỤC VỤ CÔNG LÝ VÀ HÒA BÌNH TỔNG GIÁO PHẬN SÀI GÒN

Tự do và Thần khí _tr.8

CON NGƯỜI,
hữu thể có tự do



Tự do là...
muốn làm gì thì làm ?! _tr.28

(Lưu hành nội bộ)



“Tự do là dấu chỉ cao nhất nơi con người về việc con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, và do đó, là dấu chỉ về phẩm giá cao vời của mọi nhân vị. Tự do được thực thi trong các tương quan giữa con người với nhau. Mọi người, được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, có quyền tự nhiên được công nhận là một hữu thể tự do và có trách nhiệm. Mọi người có bổn phận tôn trọng quyền đó nơi mỗi người. Quyền thực thi tự do, đặc biệt trong lãnh vực luân lý và tôn giáo, là một đòi hỏi không thể tách biệt khỏi phẩm giá của nhân vị” (TLHTXH, số 199)



Trong số này...

TỰ DO LÀ GÌ?...tr.4

TỰ DO VÀ THẦN KHÍ... tr.8

NHÌN NHẬN TỰ DO CÁ NHÂN LÀ GIÁ TRỊ CĂN BẢN CỦA NGƯỜI KITÔ HỮU...tr.11

GIÁO LÝ CÔNG GIÁO VỀ TỰ DO... tr.13

ĐỌC SỬ ĐIỆP “TỰ DO TÔN GIÁO, CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN HÒA BÌNH” ... tr.14

TỰ DO TÔN GIÁO, QUYỀN CĂN BẢN CỦA CON NGƯỜI...tr.18

GIÁO HUẤN XÃ HỘI & QUYỀN TỰ DO CÓ SÁNG KIẾN KINH TẾ ... tr.21

TỰ DO CỦA BẠN, TỰ DO CỦA TÔI... tr.23

NÓ...tr.24

NÔ LỆ ... tr. 25

KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP TỰ DO ... tr.26

GIÁO DỤC - TỰ DO VÀ TÌNH YÊU...tr.27

TỰ DO LÀ... MUỐN LÀM GÌ THÌ LÀM ?! ... tr.28

HỎI ĐÁP VỀ GIÁO HUẤN XÃ HỘI ... tr.31

THIÊN CHÚA LÀM NGƯỜI... tr.32

ĐỨC GIÊSU KITÔ & GIÁO HỘI CỦA NGƯỜI NGHÈO...tr.34

HANG ĐÁ... tr.35

TỰ DO LÀ GÌ?

◆Lm Giuse Phan Tấn Thành, OP

Chúng ta sẽ tìm hiểu: từ ngữ, bản chất, các thuộc tính của nó.

A. Từ ngữ: tự do - giải phóng

Tự do là một danh từ rất quen thuộc trong ngôn ngữ hằng ngày cũng như trong ngôn ngữ chính trị (Độc lập - Tự do - Hạnh phúc). Tuy nhiên, nếu chúng ta lật lại văn chương cổ điển Việt Nam (thí dụ tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh), có lẽ chúng ta sẽ không gặp thấy danh từ này. Tại sao vậy? Bởi vì danh từ “tự do” mới được du nhập vào tiếng Trung hoa vào đầu thế kỷ XX¹ để chuyển dịch danh từ *liberté* (tiếng Pháp) và *freedom* (tiếng Anh). Phải chăng như vậy là khái niệm tự do hoàn toàn xa lạ với tư tưởng Á đông? Không phải thế đâu! Văn hoá cổ truyền Á đông dùng những từ khác để diễn tả quan niệm “*liberté*”, chẳng hạn như: giải phóng, giải thoát, thoát ly. Trong trận chiến tranh Việt Nam, một lực lượng chính trị quân sự mang danh là “Mặt trận giải phóng” được dịch sang tiếng Pháp là “Front de la libération”. Thử hỏi: “tự do” và “giải phóng” có khác nhau không? Dưới khía cạnh từ ngữ, phải nhận là có sự khác biệt.

1/ “Tự do” là một từ ngữ Hán Việt. “Tự” có nghĩa là chính mình (tự ý, tự quyết); “do” có nghĩa là nguồn gốc, căn nguyên bởi đâu mà ra (lý do, nguyên do). Như vậy, “tự do” có nghĩa là cái gì xuất phát từ mình: cái gì do tôi làm ra, căn do bởi mình² (chứ không bởi ai khác), nó mang tính cách tích cực.

2/ “Giải phóng” (giải thoát, thoát ly) gợi lên một ý tưởng tiêu cực, đó là đưa ra khỏi tình trạng ràng buộc, giam cầm.

Việc phân tích từ ngữ đã đưa tới hai khía cạnh trong khái niệm về tự do: tiêu cực và tích cực.

- Khía cạnh tiêu cực: tôi không bị gò bó, ràng buộc, cưỡng bách bởi một lực lượng bên ngoài.

- Khía cạnh tích cực: tôi tự ý chọn lựa, quyết định hành động.

Chúng ta nên ghi nhận cả hai khía cạnh khi theo dõi những cuộc tranh luận về bản chất của tự do.

B. Những quan điểm về tự do

Một câu hỏi thường được nêu lên: *Con người có tự do không?* Các ý kiến thường được xếp vào hai nhóm: có và không, và mỗi nhóm sẽ đưa ra những lý lẽ để biện minh cho quan điểm của mình. Thực ra câu hỏi này rất phức tạp, không những do những quan điểm khác nhau về tự do (phải chăng tự do có nghĩa là muốn làm gì làm?), nhưng còn vì những bối cảnh khác nhau của vấn đề: chính trị xã hội, tôn giáo, tâm lý. Chúng ta hãy lược qua lịch sử vấn đề³.

1/ Vào cổ thời, tự do không phải là một vấn đề đáng quan tâm, một phần do khung cảnh tôn giáo thời đó. Con người nhận thấy thân phận mình quá mong manh, và nghĩ rằng mọi cái đều do trời định, hay số mạng, hay tiền kiếp. Bên Hy-Lạp và Rôma, vấn đề tự do được đặt ra trong khung cảnh

1. Erwin Schawe, “Dz-you: quelques remarques sur la compréhension chinoise de liberté” in: AA.VV., *Autonomie. Dimensions éthiques de la liberté*, Fribourg 1978, p.71-84.

2. Bên Tây phương, thánh Tôma (Ad II Cor., III, III, n. 112) cũng định nghĩa tự do như là “nguyên nhân tự mình” (*causa sui*).

3. B. Mondin, *L'uomo: chi è?*, Massimo, Milano 1975, p.120-127.

pháp luật xã hội: duy các công dân mới được hưởng quyền tự do; các nô lệ hoàn toàn tùy thuộc ông chủ. Điều này cũng có thể áp dụng cho mối tương quan giữa Đế quốc và các dân tộc bị chinh phục.

2/ Kitô giáo đã mở ra một nhãn giới mới trong mối tương quan giữa con người với Thiên Chúa: con người không phải là con quay bị ràng buộc bởi định mệnh, nhưng có tự do trách nhiệm trước mặt Thiên Chúa⁴. Công phúc và tội lỗi là hệ quả của quyết định con người. Tuy nhiên, chính trong viễn cảnh của tương quan tự do ấy mà nhiều vấn nạn được đặt ra:

- Tại sao Thiên Chúa lại để cho con người lạm dụng tự do để phạm tội? Tại sao Thiên Chúa không ngăn chặn tội lỗi? Đó là vấn nạn của thánh Augustinô.

- Con người có thực sự hưởng tự do hay không, bởi vì Thiên Chúa đã là đấng tạo dựng và quan phòng hết tất cả mọi sự từ A đến Z? Đó là vấn nạn của thánh Tôma Aquinô, và cũng là đầu mối cho cuộc tranh luận về tương quan giữa tự do và ân sủng đã nảy lên từ thời thánh Augustinô.

- Thần học kinh viện đôi khi cũng kéo dài cuộc tranh luận sang thế giới thần linh nữa: Thiên Chúa có toàn quyền tự do không? Phải chăng Thiên Chúa muốn làm gì cũng được? Một câu hỏi tương tự cũng được nêu lên cho các thiên thần: các thiên thần có thể phạm tội không? Nếu các ngài không có khả năng phạm tội thì các ngài có tự do không? Bản chất của tự do là gì?

3/ Vào thời cận đại, các triết gia không bận tâm đến mối tương quan giữa con người với Thiên Chúa nhưng họ chỉ chú trọng đến con người.

- Tự do được bàn trong viễn tượng của nhân học: con người có thực sự được tự do không, có thể kiểm soát làm chủ các khuynh hướng và đam mê không? Đó là câu hỏi của các nhà tâm-lý-học.

- Các chuyên gia chính trị và pháp luật tranh luận về tự do dưới bình diện khác: phải chăng con người bẩm sinh được tự do, muốn làm gì cũng được? Hay con người (cá nhân) chỉ là một bộ phận của xã hội, và chỉ được hưởng tự do trong mức độ mà xã hội (luật pháp nhà nước) ấn định? Khỏi nói ai cũng biết, những lá cờ cách mạng chính trị và xã hội đều được phất lên dưới chiêu bài tranh đấu tự do (hay giải phóng).

4/ Chính vì những bối cảnh khác nhau, cho nên các ý kiến phủ nhận hay chấp nhận tự do có thể mang nhiều hình dạng.

4. Thánh Phaolô bàn đến tự do như một thành quả của công trình cứu chuộc của Đức Kitô (Gl 5,1). Chúng ta được giải thoát khỏi nô lệ của tội lỗi và sự chết (Rm 8,2), và được hưởng tự do của con cái Chúa (xc. Gl 4,6; 5,13; 2Cr 3,13)

a) Nói chung, những ý kiến phủ nhận tự do được đặt tên là "thuyết tất định" (*determinism*), dưới nhiều lý lẽ và hình thức.

- Tất định siêu việt: con người bị điều khiển bởi số mệnh, bởi các quyền lực thần thiêng, bởi ý Chúa.

- Tất định sinh lý: con người bị chi phối bởi những xung động. Các hành vi tâm lý chỉ là phản ứng các kích thích.

- Tất định tâm lý: con người chịu điều khiển bởi nhận thức hoặc các bản năng.

- Tất định xã hội: con người bị ảnh hưởng bởi áp lực xã hội, truyền thống.

- Tất định chính trị: con người bị đè nén bởi quyền lực của nhà nước hay nhóm tài phiệt.

b) Những ý kiến khẳng định con người có tự do cũng hàm hồ không kém bởi vì những chủ trương khác nhau về tự do.

- Con người là hữu thể tự do, bởi vì nó cảm thấy phân vân do dự, không biết ngã theo hướng nào.

- Tự do nằm trong bản tính cao quý của con người: con người có quyền tự do định đoạt, muốn làm gì thì làm, không cần tuân theo luật lệ nào hết. Việc nhìn nhận Thiên Chúa sẽ hạn chế tự do của con người.

C. Thực chất của tự do

Qua việc trình bày lược sử cuộc tranh luận về tự do, chúng ta thấy có nhiều quan điểm khác nhau về tự do. Những người phủ nhận hay chấp nhận tự do thường chỉ bàn một khía cạnh nào đó của tự do mà thôi, chứ không nhìn tất cả mọi khía cạnh.

Thực vậy, nếu quan niệm rằng tự do có nghĩa là "muốn làm gì thì làm", thì phải kết luận rằng chẳng có ai tự do hết, bởi vì chúng ta đâu có phải là Đấng Toàn năng?

Nói rằng "con người sinh ra đã mang bản tính tự do rồi" thì cũng không hoàn toàn đúng. Việc chúng ta ra chào đời không phải là chuyện tự do: chúng ta không được tham khảo ý kiến về việc có muốn ra đời hay không? Muốn sinh ở đâu? Muốn làm con ai? Muốn thuộc giống nào (nam hay nữ)? Chúng ta cũng không được tham khảo ý kiến về bao nhiêu câu chuyện liên quan đến cuộc đời: Muốn cao hay lùn? Muốn đẹp hay xấu? Muốn "đầu đội trời chân đạp đất", hay là muốn ngược lại? Không những chúng ta không được hỏi ý kiến khi bước vào đời, chúng ta cũng không được tham khảo khi lià đời (trừ khi tự tử)! Điều này cho thấy thân phận hữu hạn của con người! Hơn thế nữa, cho dù Thiên Chúa là Đấng Toàn năng đi nữa nhưng có những điều mà Ngài không thể làm được, chẳng hạn ►

- ▶ như Ngài không thể làm điều xấu, không thể tự tử được! Phải chăng Thiên Chúa cũng không có tự do? Xin thưa rằng câu trả lời tùy theo quan điểm về tự do: nếu hiểu tự do như là muốn làm gì thì làm, kể cả làm điều phi lý xấu xa thì quả là Thiên Chúa không có tự do; còn nếu hiểu tự do như là hành động theo chân lý thì Ngài là Đấng Tự do thượng hạng.

Từ những nhận xét vừa rồi, chúng ta cần chấp nhận rằng khi bàn về tự do, thì phải hiểu rằng tự do không có nghĩa là muốn làm gì thì làm, nhưng phải hiểu theo nghĩa là khả năng quyết định hợp với bản tính con người. Con người là một hữu thể có lý trí; vì thế cần phải hành động theo lý trí. Để hiểu rõ hơn, thiết tưởng nên phân tích tự do từ hai khía cạnh: a) dựa theo bản chất của ý chí; b) trong tương quan xã hội.

1/ Thánh Tôma Aquinô giải thích nguồn gốc của ý chí tự do như thế này⁵. Bản tính của ý chí của con người là gắn bó với điều Thiện (hạnh phúc), cũng như bản tính của lý trí là gắn bó với Chân lý (sự thật). Đứng trước chân lý, lý trí bắt buộc phải chấp nhận. Một thí dụ: 2 cộng với 2 bằng 4; đây là chân lý hiển minh mà lý trí phải chấp nhận; ai muốn nói khác đi (chẳng hạn 2 với 2 bằng 5) thì không chứng tỏ rằng mình tự do hơn, nhưng là người khùng. Một cách tương tự như vậy, ý chí con người bắt buộc phải chọn lựa yêu thích điều tốt; ai chọn làm điều xấu thì không chứng tỏ rằng mình là người tự do, nhưng là kẻ điên rồ. Tuy nhiên, trên đời này, không phải lúc nào chúng ta cũng biết được Chân lý tuyệt đối, cũng như không lúc nào chúng ta cũng gặp được điều Thiện tuyệt đối, vì thế chúng ta trải qua nhiều mò mẫm do dự. Duy chỉ có điều Thiện tuyệt đối (tức là Hạnh phúc vĩnh cửu) mới có sức thu hút hoàn toàn ý chí của ta, còn những điều thiện khác thì chỉ hấp dẫn một phần nào thôi (bởi vì chúng bất toàn). Vì thế ta phải lựa chọn: cái gì đưa ta đến điều Thiện tuyệt đối, và cái gì có thể làm cho ta mất hạnh phúc? Đó là tiêu chuẩn để phân định một hành vi tốt hay xấu: nó có dẫn tới hạnh phúc vĩnh cửu hay không. Từ đó, tự do được định nghĩa như là: “khả năng lựa chọn những phương tiện để đạt đến mục đích”⁶.

Nói khác đi, tự do cần được đặt trong tương quan với chân lý. Con người thực sự là tự do khi quyết định sáng suốt, phù hợp với điều ngay lẽ phải. Thực ra không ai chọn lựa cái xấu; duy có điều là họ đã bị thu hút bởi điều mà họ nghĩ là tốt, nhưng kỳ thực là xấu. Ta có thể lấy thí dụ của anh nghiện rượu: anh thích uống rượu vì thấy nó tốt đối với mình; nhưng anh quên rằng rượu làm hại sức khỏe của anh. Từ đó, ta thấy sự cần thiết của việc huấn luyện để biết sử dụng tự do đúng đắn, không bị thúc bách bởi đam mê hoặc dốt nát.

5. Xc. *Summa Theologica*, I-II, q.13, aa.3-6.

6. “Vis electiva mediorum servato ordine finis”. *Summa Theologica* I, 83, 4.

2/ Trong tương quan với xã hội, tự do được hiểu về “khả năng hành động mà không bị cưỡng bách” bởi áp lực từ bên ngoài, chẳng hạn: tự do đi lại (không bị cùm chân), tự do hoạt động (không bị công lực ngăn cấm). Đây là một yêu sách của phẩm giá con người. Dưới khía cạnh này, tự do có thể bị giới hạn từ hai nguyên nhân: a) Bị cưỡng bách phải hành động; b) Bị ngăn cản không được hành động.

D. Phân loại

Qua việc trình bày bản chất của tự do, phần nào chúng tôi đã phác họa các cấp độ của tự do. Tự do có thể được phân loại dựa trên hai hành vi căn bản là “quyết định” (muốn) và “hành động” (làm).

1/ Tự do chọn lựa quyết định (*libertas arbitrii, liberum arbitrium*). Nó mang tính cách nội tại, ở bên trong chủ thể. Sự quyết định này mang hai dạng:

- a) Thực hiện (*libertas exercitii*): muốn hay không muốn;
- b) Định loại (*libertas specificationis*): muốn làm cái này hay làm cái kia.

Dưới khía cạnh luân lý, thánh Tôma Aquinô (*De veritate* q.22,a.6) còn thêm một dạng thứ ba được đặt tên là tự do tương phản (*libertas contrarietatis*): chọn làm điều tốt hay làm điều xấu. Sự lựa chọn này mang theo trách nhiệm trước lương tâm.

2/ Tự do hành động, xảy ra bên ngoài chủ thể. Nó đòi hỏi sự thông dong, không bị cưỡng bách (*libertas a coactione*). Nó mang nhiều hình dạng.

- Tự do thể lý: có thể di chuyển và hành động, không bị trói buộc (cùm xích) hay ngăn chặn (tường rào).

- Tự do công dân: trong khung cảnh của cộng đồng chính trị, người công dân có thể hành động mà không bị luật pháp cấm đoán. Người ta cũng nói đến “tự do chính trị”, nghĩa là quyền có thể tham gia vào việc điều khiển cộng đồng (trái lại với các chế độ độc tài). Chúng ta sẽ trở lại vấn đề này trong chương Bảy cuốn TLHTXH, khi nói đến nhân quyền và dân quyền.

- Tự do xã hội: không bị ràng buộc bởi luật lệ hay phong tục xã hội.

- Tự do luân lý: không bị ràng buộc bởi nghĩa vụ bổn phận, không bị áp lực của đe dọa, hình phạt, phần thưởng.

E. Tự do và trách nhiệm

Tự do không chỉ là đề tài nghiên cứu của tâm lý nhưng còn là đề mục căn bản của thần học luân lý⁷. Thực vậy, chính nhờ tự do mà con người biểu lộ chính mình, qua những hành vi mà mình nắm phần chủ động.

7. Xc Sách GLCG số 1731-1738.

Thực vậy, như đã nói trên đây, có những chuyện trên đời mà ta không có quyền lựa chọn: tôi không thể lựa chọn cha mẹ tôi, giờ sinh ra đời, nơi sinh, giới tính. Ngay cả trong đời sống hằng ngày, có bao nhiêu chuyện vượt khỏi tầm kiểm soát của tôi: thí dụ các hoạt động tiêu hóa, tuần hoàn. Từ nhận định sơ khởi như vậy, luân lý đã phân biệt giữa các “hoạt động của con người” (*actus hominis*) và “hành vi nhân linh” (*actus humanus*). “Hoạt động của con người” là những chuyện xảy ra trong con người của tôi, còn “hành vi nhân linh” là những chuyện do tôi chủ động. Ta có thể lấy một thí dụ từ việc ăn uống dinh dưỡng. Tôi có thể quyết định ăn hay không ăn, ăn nhiều hay ăn ít, hay món này hay ăn món kia; đó là hành vi nhân linh. Nhưng một khi đã nhai và nuốt qua cuống họng rồi thì tôi không thể theo dõi các sinh hoạt trong bao tử, ruột non, ruột già: nếu không may xảy ra chuyện đau bụng khó tiêu thì tôi đành phải chấp nhận thôi!

Sự phân biệt này đưa đến nhiều hệ luận:

1/ Hành vi nhân linh được thực hiện do ý chí (*voluntas*), vì thế cũng gọi là hành vi “tự ý” (*voluntarius*), đối lại với những hành vi “trái ý” (hay “nghịch ý”: *involuntarius*) làm vì miễn cưỡng hoặc bó buộc, cũng như đối lại với “ngoài ý”, xảy ra ngoài ý muốn.

2/ Hành vi nhân linh mang theo trách nhiệm: bởi vì tôi chủ động các hành vi cho nên tôi chịu trách nhiệm về chúng. Nói tổng quát, hành vi mang tính cách “tốt” hay “xấu”, đáng công hay đáng tội.

3/ Trên thực tế, khi hành động, vấn đề được đặt ra không phải chỉ là: “tôi có tự do hay không?”, nhưng còn là: “tôi có tự do đến đâu?”. Thực vậy, quyết định tự do của tôi có thể gặp nhiều giới hạn, từ bên ngoài và từ bên trong.

a) Từ bên ngoài, tự do gặp phải những giới hạn vật lý (vũ lực, bạo hành, cưỡng bách) hoặc tâm lý (áp lực xã hội, phong tục, tập quán, văn hoá).

b) Từ bên trong: quyết định tự do có thể bị hạn chế về phía nhận thức (thiếu hiểu biết vì u mê, dốt nát, ngộ

nhận), hoặc về phía cảm xúc (bị khống chế bởi đam mê, sợ hãi, vv).

4/ Tự do: bẩm sinh và luyện tập

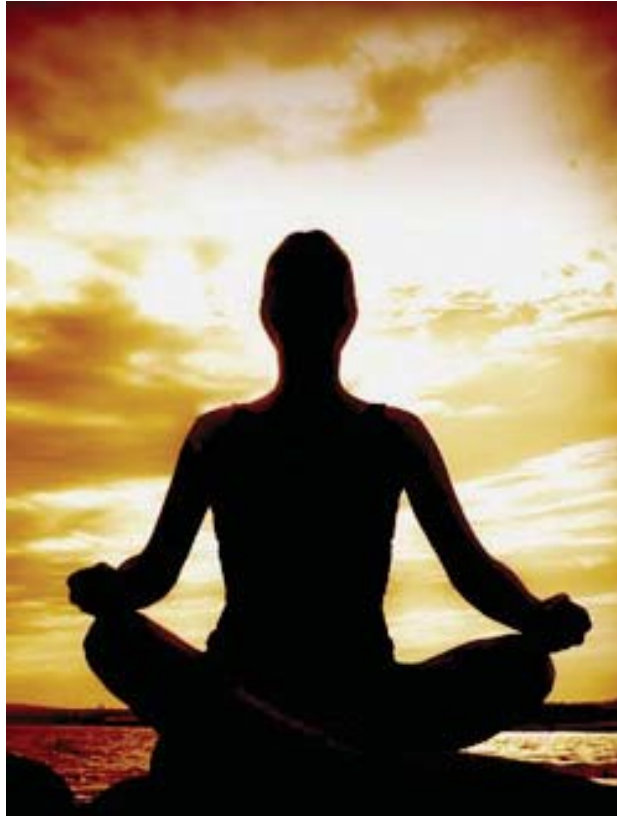
Tự do là một đặc tính cao quý của con người. Dưới một phương diện nào đó, ta có thể quả quyết được rằng “con người sinh ra đã có tự do”, theo nghĩa là nó có khả năng lựa chọn (khác với thú vật). Dưới một phương diện khác, con người cần được huấn luyện để được tự do, nghĩa là để sử dụng tự do cách đúng đắn. Có

người lầm tưởng rằng tự do có nghĩa là tha hồ muốn làm gì cũng được, nhưng họ không ngờ rằng đó là quan niệm sai lệch về tự do. Chúng ta lấy một thí dụ: cái anh chàng say rượu hay nghiện xì ke xem ra rất tự do, bởi vì anh không còn coi trời đất ra gì nữa, và anh có thể tha hồ ăn nói đập phá. Nhưng anh không ngờ rằng anh mất cái tự do căn bản nhất, đó là anh không thể chống lại cái tật nghiện rượu hay nghiện thuốc của anh: khi cơn ghiền nổi lên thì anh không thể cưỡng lại. Thế thì anh đâu có còn tự do nữa? Vì thế tự do có thể ví như một số vốn được trao cho chúng ta: nó không bắt đi bắt dịch, nhưng mà có thể tăng, có thể giảm và cũng có thể mất tiêu luôn. Tự do có thể tăng

lên khi mà chúng ta hành động theo “lý do tự mình” hơn, nghĩa là khi chúng ta càng làm chủ mình hơn, khi mà chúng ta hành động theo lý lẽ suy tính chứ không chiều theo những dụ dỗ hay đam mê. Tiếc rằng ít ai đạt tới điều đó. Thánh Phaolô cũng đã từng thốt lên: “tôi thấy điều tốt, tôi đã chấp nhận nó, nhưng rồi tôi lại đi làm cái điều xấu mà tôi không muốn” (Rôm 7,19)!

Để kết luận, ta có thể trưng dẫn số 1731 của Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo bàn về bản chất và phẩm giá của tự do:

Tự do là khả năng bắt nguồn từ lý trí và ý chí, để hành động hoặc không hành động, làm cái này hoặc làm cái kia, nhờ đó con người có thể thực hiện những hành vi có ý thức. Nhờ có ý chí tự do, con người tự quyết định về bản thân. Tự do trong con người là một sức mạnh để tăng trưởng và trưởng thành trong chân lý và sự tốt lành. Tự do đạt tới mức hoàn hảo khi nó quy hướng về Thiên Chúa là điểm phúc của chúng ta ♦





*“Nơi đâu có Thần Khí của Chúa,
nơi đó có Tự Do”*

(2 Cr 3:17)

Tự do và Thần khí

◆ Lm. Phanxicô Xaviê
Nguyễn Văn Nhứt, O.P.

Tự Do Như Hơi Thở

Lúc khởi đầu, Thiên Chúa sáng tạo trời đất. Đất còn trống rỗng, chưa có hình dạng, bóng tối bao trùm vực thẳm, và thần khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước.¹

Đây là những dòng đầu tiên của Quyển Thánh Kinh phác họa khung cảnh hùng tráng của Thần Khí Thiên Chúa bay lượn *tự do* giữa khoảng không vô tận, trên làn nước bao la, xuyên qua cả một vũ trụ phủ đầy bóng tối, chưa được hình thành, chưa có bất kỳ một dấu phân định, sắp xếp nào, và nhứt là *chưa có sức sống*.

Chính những đường bay lượn của Thánh Thần Sáng Tạo, dọc ngang thênh thang, tựa như động tác thướt tha, duyên dáng của một vũ khúc, như nét bút tài hoa của nghệ nhân dạt dào cảm hứng, *đã tác thành bức tranh vũ trụ tuyệt tác*.²

Song, cao điểm của công trình xây dựng vũ trụ càn khôn là việc sáng tạo *con người*, được hình thành theo *nguyên mẫu là chính Thiên Chúa*.³ Việc xuất hiện của con người — muộn màng nhứt so với tất cả mọi thụ tạo khác, muộn màng một cách có chủ ý trong đồ án của Đấng Hóa Công — đem lại sinh khí kỳ diệu cho toàn thể tạo thành,⁴ kích hoạt cho sức sống của vũ trụ càn khôn, *tương tự như hơi thở của Thiên Chúa đã chuyển sức sống vào khối đất sét vô hồn để làm nên con người*.⁵ Chỉ đến khi đã đặt con người vào tâm điểm của vũ trụ càn khôn, Thiên Chúa mới cảm thấy hoàn toàn mãn nguyện.⁶

1 St 1:1-2.

2 Xin coi St 1:10.12.18.21.25; Tv 104:1-35.

3 Xin coi St 1:27; Tv 8:1-10.

4 Xin coi St 2:8.15.

5 Xin coi St 2:7.

6 Xin coi St 1:31.

Cứu mang trong hình hài, khắc sâu trong bản tính dấu ấn tự do bất diệt của Đấng Tạo Hóa, con người bẩm sinh vốn đã là hữu thể tự do. Con người chỉ bắt đầu hiện hữu khi nhận được luồng sinh khí tự do. Con người phải là thụ tạo tự do, trước khi lãnh nhận những đặc trưng nhân linh khác. Con người chỉ hành xử với đầy đủ tư cách nhân bản khi thật sự tự do. Con người chỉ có thể bị quy trách nếu được hoàn toàn tự do suy tư, lựa chọn, quyết định và hành động.⁷ Con người chỉ có thể phụng sự Thiên Chúa cho phải đạo, khi tự do cúi đầu và quỳ gối trước Đấng phải được tôn thờ trong Thần Khí và Chân Lý.⁸ Tự do, vì lý lẽ được hậu thuẫn bởi mạc khải Thánh Kinh thượng dẫn, là thành tố thiết yếu bất khả chuẩn chước của nhân vị, nhân phẩm và nhân quyền.⁹

Tương tự như nhân vị, với nguồn gốc thần thiêng và tính bất khả xâm phạm, tự do là quà tặng của Thiên Chúa trao cho riêng một mình con người, như dấu ấn bảo đảm tính xác thực của thương hiệu Đấng Tạo Hóa đóng trên tác phẩm ưng ý của Người.¹⁰

Tự do là lẽ sống còn cho phẩm chất con người, thiết yếu hơn cả cơm ăn áo mặc cho thể xác, cao quý hơn mọi thứ tài sản vật chất lẫn tinh thần cho việc thành thân và thành nhân trong xã hội. Con người thà mất đi mạng sống, chứ nhứt quyết không để bị cướp đoạt tự do, bởi vì cuộc sống không có tự do chỉ còn là kiếp tù đầy thảm thương của nô lệ, là thân phận miên viễn vô tri vô giác tội nghiệp cùng cực của lục súc, của gỗ đá mà thôi.

Một khi đạt được quan niệm nền tảng về tự do, tất yếu sẽ dẫn tới ba hệ luận sau đây: một, tự do như báu vật vô giá phải được bảo vệ; hai, tự do tuy rất kỳ vĩ song dễ bị tổn thương vô cùng; và ba, tự do vì từng bị xâm phạm nặng nề cần được tái tạo và canh tân.

Tự Do Phải Được Bảo Vệ

Trong bài tường thuật về công trình sáng tạo vũ trụ vạn vật của Thiên Chúa, Sách Sáng Thế cần trọng ghi nhận hai chi tiết rất ý nghĩa:

a) Thứ nhứt là hình ảnh “thần khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước”. Thánh Thần Thiên Chúa đã hiện diện ngay từ giây phút đầu, trước khi bất kỳ một biến cố nào xảy ra, và ngay lúc tất cả hãy còn là một cảnh hỗn mang, mông quạnh, tăm tối mịt mù, để trọn quyền kiểm soát tất cả những gì đang

7 Xin coi Sách Giáo Lý Của Hội Thánh Công Giáo, các số 154 và 160.

8 Xin coi Ga 4:23; Rm 10:9-10; Tuyên Ngôn Về Tự Do Tôn Giáo, số 1.

9 Xin coi Vui Mừng Và Hy Vọng, số 17; Tóm lược Học thuật Xã hội của Hội Thánh, số 135,

10 Xin coi Vui Mừng Và Hy Vọng, các số 14, 15, 16, và 17.

còn trong khả thể khả hữu. Nói cách khác, Thánh Thần Thiên Chúa, trong khi là Tự Do Tuyệt Hảo, vẫn đồng thời là nguyên lý thường hằng của Quy Luật Trật Tự và Bình An. Vũ trụ này ngay từ buổi đầu sáng tạo chưa bao giờ có bất cứ một biến cố lớn nhỏ nào vượt qua thẩm quyền quản trị của Thiên Chúa¹¹ Chính thẩm quyền của Đấng là Chủ Tể cần khôn cảm cân nẩy mực cho muôn vật muôn loài được sinh sống và hoạt động trong mục thước tạo nên và bảo quản tự do.

b) Thứ hai là công cuộc Thiên Chúa Tạo Hóa phân định rạch ròi cương giới cho từng thành phần của vũ trụ vạn vật: ánh sáng tách khỏi bóng tối,¹² bầu trời phân biệt với đại dương,¹³ đất vươn cao trên sóng nước,¹⁴ ngày và đêm tách bạch,¹⁵ muôn loài thảo mộc, chim trời cá nước sinh sôi phát triển theo đúng quy luật riêng biệt đã thiết lập.¹⁶

Chúa lập địa cầu trên nền vững,
Khôn chuyển lay muôn thửa muôn đời.
Áo vực thăm choàng lên mặt đất,
Khởi nước nguồn tụ lại đỉnh non cao.
Nghe tiếng Ngài dọa nạt, chúng đồng loạt chạy dài.
Sấm Ngài mới rền vang, chúng kinh hoàng trốn thoát.
Băng qua núi qua đồi, chảy xuôi ra đồng nội,
Về nơi Chúa đặt cho.
Ngài vạch đường ranh giới ngăn cản chúng vượt qua,
Không còn cho trở lại dâng lên ngập địa cầu.¹⁷

Qua bức tranh sáng tạo hùng vĩ được Thánh Kinh vẽ lên, ý tưởng về tự do đúng đắn nguyên tuyền đã hiển hiện trên nền tảng quy luật Thiên Chúa thiết lập cho muôn vật muôn loài nghiêm cẩn tuân thủ. Triệt hủy nền tảng quy luật bảo tồn hòa bình và trật tự, muôn loài lập tức trở lại tình trạng hỗn mang, tăm tối trước kia.

Chính vì lý do này có thể phân biệt giữa tự do — tình trạng bình an, ổn định trong quy luật minh chính trường cửu của Thiên Chúa — và tình trạng vô luật pháp, nhiễu loạn trong đêm đen của Ác Tà.¹⁸

Tự Do Dễ Bị Tổn Thương

Vì là một đặc ân cao quý Thiên Chúa ban cho con người để phân định rõ ràng phẩm giá của họ khỏi bản chất vô tri, vô giác, vô tâm nơi các loài thụ tạo khác, tự do trở thành báu vật vô giá, song cùng lúc tự do lại vô cùng mong manh, tùy thuộc vào độ kiên trì của việc giữ kỷ cương trật tự, tương tự cánh tay ▶

11 Xin coi Richard J. Clifford, S.J. và Roland E. Murphy, O.Carm., “Genesis”, trong tác phẩm The New Jerome Biblical Commentary (Bangalore: Theological Publications, 2000), các trang 10-11.

12 Xin coi St 1:4.

13 Xin coi St 1:7.

14 Xin coi St 1:10.

15 Xin coi St 1:14.

16 Xin coi St 1:11-12.21-25.

17 Tv 104:5-9.

18 Trong 2 Tx 2:7, Thánh Phao-lô dùng cụm từ “mâu nhiệm vô luật pháp” (the mystery of lawlessness) để chỉ lực lượng ác tà của ma quỷ.

► đỡ lấy một vật thể sẽ nhanh chóng mệt mỏi, giữa lực tri kéo, chèn ép của quán tính đòi “rơi tự do” trở về lực hút của tình trạng hỗn mang, mù tối. Rất tiếc đã xảy ra biến cố đánh vỡ ơn tự do khi con người đầu tiên không thủy chung với quy luật hình thành và bảo quản tự do được Thiên Chúa ban cho: “*Hết mọi trái cây trong vườn, người cứ ăn; nhưng trái của cây cho biết điều thiện điều ác, thì người không được ăn, vì ngày nào người ăn, chắc chắn người sẽ phải chết.*”¹⁹ Tôn trọng quy luật phân định giới hạn giữa Đấng Tạo Hóa và loài thụ sinh, giữa thẩm quyền của Đấng Lập Luật và phận thân dân phải tuân hành luật trường cửu, con người sẽ được hưởng ơn tự do hầu như vô tận (“*hết mọi trái cây trong vườn, người cứ ăn.*”) Vi phạm quy luật nền tảng đó, tự do không còn đất đứng, và tất nhiên, khi tự do tan biến thì con người đã đánh mất phẩm giá, lập tức biến thành nô lệ, nên mặc dầu còn nói năng hành động nhưng coi như đã chết. Nói cách khác, tự do của con người không chỉ là *tự do thể lý và tâm lý, mà còn mang chiều kích luân lý.*

Đây chính là nguyên do vì sao Chúa Ki-tô liên kết tình trạng người tội lỗi với tình trạng của kẻ nô lệ: “*Hễ ai phạm tội thì làm nô lệ cho tội.*”²⁰ Trong thế giới chịu ảnh hưởng văn hóa La Tinh và Hy Lạp thời Chúa Ki-tô, nô lệ là thân phận của kẻ bại trận trên lãnh vực quân sự, kinh tế, hay chính trị, bị tước bỏ quyền làm người, bị đối xử như loài vật hoặc đồ vật — bị buôn bán, đổi chác, hành hạ, thậm chí giết chết — tùy ý thích của chủ nhân. Con người phạm tội tự tách rời khỏi Thiên Chúa, cắt đứt mối tương quan nghĩa tình với Thiên Chúa, trở thành thù nghịch,²¹ *nghĩa là chọn lựa đứng về phe của Ác Tà, của tình trạng vô luật pháp.* Bức tranh thảm thương trong Sách Sáng Thế mô tả cảnh Tổ Tông loài người bị trục xuất khỏi Vườn Địa Đàng sau khi phạm tội hàm ý ơn tự do cùng với các đặc ân Thiên Chúa ban cho loài người bị tổn thương trầm trọng. Thánh Phao-lô trưng dẫn tình trạng bi đát của con người khi sống dưới quyền lực tội lỗi như bằng chứng của những kẻ nô lệ cho bao nhiêu hình thức suy đồi về luân lý.²²

Ơn tự do cần được cứu sống và đổi mới.

Tự Do Cần Được Canh Tân

Giáo huấn của Thánh Phao-lô chỉ cho thấy làm cách nào Thiên Chúa cứu sống và phục hồi phẩm giá tự do của con người: “*vì một người duy nhất đã không vâng lời Thiên Chúa mà muôn người thành tội nhân, thì nhờ một người duy nhất đã vâng lời Thiên Chúa muôn người cũng sẽ thành người công chính.*”²³ Con người

đánh mất tự do khi bất tuân lề luật Thiên Chúa — phá hủy chính nguyên lý xây dựng nên và bảo vệ ơn tự do — chọn sống trong cảnh hỗn mang, mất phương hướng trong bóng tối lảm lạp. Con người có tự do là con người sống có nguyên tắc hướng dẫn hành động của mình — *tự nguyện làm những gì lương tri chỉ bảo phải làm* — khác với con người cam chịu thân phận nô lệ cho chính những xung động mê muội vô nguyên tắc — *buộc phải làm những gì bị lôi cuốn, thúc đẩy theo đam mê không thể chống cưỡng* — của chính bản thân.²⁴

Gương vâng phục tuyệt đối của Chúa Ki-tô trước Thiên Ý của Chúa Cha, “*cho đến nỗi bằng lòng chịu chết*”²⁵ đã cung cấp cho loài người giải pháp tối ưu, môn thần dược, chữa trị tận căn cơn bệnh nan y ngặt nghèo giết chết phẩm giá tự do cao quý.

Chỉ khi nào con người hoàn toàn quy phục lề luật Thánh Ý Thiên Chúa, con người mới hiện hữu, sống và hành động thực sự trong phẩm vị con người. Chỉ khi nào con người tự nguyện đón nhận cảm hứng của Thần Khí Thiên Chúa, con người mới thật sự bước đi trên chính lộ thềm thang của tự do.

Nhưng làm sao dung hòa giữa hai khái niệm thoát đầu có vẻ mâu thuẫn: *vâng phục để có tự do?* Chẳng phải tự do chính là được giải thoát khỏi bất kỳ một hình thức áp chế nào đó sao? Mà cho dầu là *vâng phục Thánh Ý Thiên Chúa* đi nữa, thì đó cũng là nguy cơ giảm thiểu — nếu không triệt tiêu — tự do của con người.

Xin mượn lời nhà thần học Richard Rohr, một linh mục Dòng Phan-xi-cô, để giải đáp cho vấn nạn rất thường được nêu lên như đã nói bên trên:

Thiên Chúa “*công chính hóa*” (có nghĩa là “*xác nhận giá trị*”) các thụ tạo không phải bằng hình phạt của cha mẹ áp đặt từ bên ngoài, nhưng là bằng sức kích lệ tích cực từ bên trong cõi lòng họ. Đó là phương án Thiên Chúa đạt tới chiến thắng vô cùng vĩ đại cho đức công chính của Người. Quan niệm về ơn công chính như vừa nói được gọi là lòng thương xót — *hesed* — là tình thương của Thiên Chúa mãi mãi thủy chung với giao ước của Người.²⁶ ◆

19 St 2:16-17.

20 Ga 8:34.

21 Xin coi Rm 5:8-10.

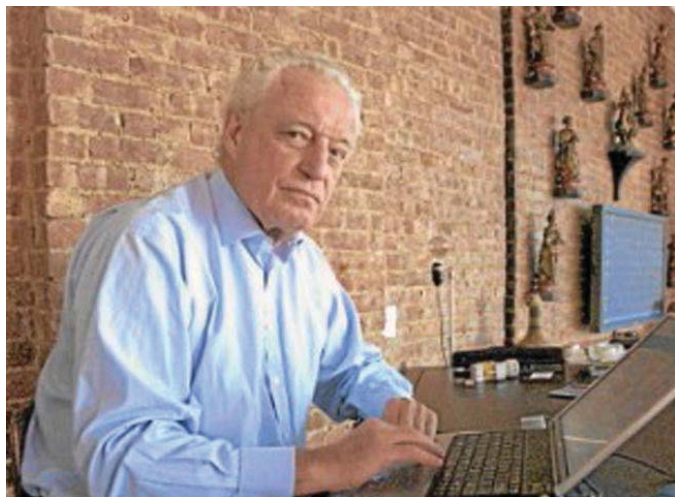
22 Xin coi Rm 1:18-32.

23 Rm 5:19.

24 Xin coi Richard Rohr, “*Job and the Mystery of Suffering*” (Ông Gióp và Mầu Nhiệm Đau Khổ), Manila:Paulines, 1998 trang 23.

25 Pl 2:6.

26 Richard Rohr, “*Job and the Mystery of Suffering*” (Ông Gióp và Mầu Nhiệm Đau Khổ), Manila:Paulines, 1998 trang 57.



Charles Gave (14.9.1943) người Pháp: chủ tịch Viện nghiên cứu về Tự do, một cơ quan tư vấn (think tank) độc lập. Ông là nhà kinh tế và tài chính. Ông được công chúng biết đến qua một tiểu luận "Des lions menés par des ânes - Đàn Sư tử được đàn lừa dẫn dắt" (Nxb. Robert Laffont, năm 2001). Ông tổ cáo đồng Euro và các hoạt động tiền tệ của nó. Tác phẩm mới nhất của ông "L'État est mort, vive l'état - Nhà Nước đã chết, nhà nước muôn năm" (Nxb. François Bourin phát hành 2009) đã tiên báo trước việc suy sụp của Ai Cập và Tây Ban Nha. Ông là sáng lập viên và chủ tịch công ty nghiên cứu các thị trường kinh tế và tài chính Gavekal Research (www.gavekal.com) và công ty chứng khoán Gavekal Securities. Charles Gave còn là thành viên Hội đồng quản trị của SCOR¹.

+++

Tự do cá nhân, nền tảng chính của xã hội Tây phương. Tin Mừng được xem như là suối nguồn của sự tự do này. Các nước Tây phương nhấn mạnh trách nhiệm cá nhân, khác hẳn với trách nhiệm mang tính tập thể của hệ thống tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

Ai đó đọc sách Tin Mừng không thể không bị đánh thức vì đầy dẫy những tiếng gọi Tự do cá nhân. Hoàn toàn trái ngược với Do Thái giáo, không bao giờ Đức Kitô đề cập đến cộng đồng, nhóm, đến trách nhiệm "tập thể", đến bộ tộc, đến 'lý do Nhà Nước', một cái cứ luôn luôn đưa ra để biện minh cho các tội ác.

Kitô giáo là hệ thống tri thức đầu tiên hoàn toàn phá vỡ chủ nghĩa bộ tộc và những dẫn xuất vô nhân đạo của nó. Vì vậy, Kitô giáo phá bỏ khái niệm tập thể. **Không có đạo đức tập thể, chỉ có đạo đức cá nhân.** Không có sự Thiện tập thể, chỉ có ở nơi mỗi cá nhân khi sự Thiện được nhân rộng ra.

¹ SCOR là công ty tài chính Pháp được thành lập năm 1970. Hiện nay Tập đoàn SCOR (tập đoàn tái bảo hiểm lớn thứ 5 trên thế giới) được tổ chức thành hai doanh nghiệp chính gồm SCOR Global P&C (tái bảo hiểm tài sản và rủi ro) và SCOR Global Life (tái bảo hiểm nhân thọ), cộng thêm SCOR Global Investments, công ty quản lý danh mục vốn đầu tư của tất cả các đơn vị của Tập đoàn SCOR.

Nhìn nhận tự do cá nhân là giá trị căn bản của người Kitô hữu

◆ Charles Gave

Thế giới trở nên có tốt đẹp hơn không phải do chúng ta có được một hệ thống chính trị hoàn hảo, điều đó không thể có bởi vì con người là bất toàn (khái niệm về tội nguyên tổ) nhưng là do mỗi người trong chúng ta lao động cải thiện thế giới trong thầm lặng và bằng cách làm tốt những điều ở chung quanh mình, bằng các phương tiện mình có.

Chưa khi nào Đức Kitô nói với một trong các môn đệ của Ngài: "Con hãy đi nói với ông nọ bà kia làm việc này, việc nọ", chưa khi nào. Ngài nói "Nếu con nghĩ điều gì đó cần phải làm, con hãy làm đi". Và mục đích duy nhất của Chúa Giêsu là làm sao cho cá nhân chúng ta đích thân gặp Ngài.

Đối với Ngài, rõ ràng Thiên Chúa chỉ biết MỘT người và để đến với Thiên Chúa phải qua Ngài và chỉ một mình Ngài mà thôi. Khi mỗi một người muốn hoàn thiện bản thân không thể không nói đến mối tương quan với người khác, vì vậy, không ai được quyền xét đoán hành vi người anh em. "Đừng xét đoán nếu anh em không muốn bị xét đoán". Lời cảnh tỉnh này nói lên trách nhiệm của cá nhân và tự do cá nhân là nhân tố đã khai sinh nên nền văn minh của chúng ta. Bất cứ ai cũng có thể nhận ra được điều này trong đời sống hằng ngày.

Chúng ta là nền Văn minh DUY NHẤT đặt Cá nhân vào trung tâm của hệ thống, nền Văn minh duy nhất và đó là điều làm cho nền Văn minh ấy lớn lên. ►

► Sự điệp của Đức Kitô tự bản chất đã mang yếu tố cách mạng, nhưng cuộc thay đổi này chỉ đến từ bên trong của mỗi con người, không đến từ bên ngoài như nhiều người lầm tưởng.

Nay ta đi đến kỷ nguyên hiện đại, bắt đầu từ thế kỷ XVIII. Sự điệp của Đức Kitô, mà Giáo Hội đã mang trong nhiều thế kỷ, cuối cùng đã đạt đến điều mà ngày nay ta có thể gọi là Xã hội Dân sự và đó là sự xuất hiện của điều mà ta gọi là các tư tưởng thời kỳ Ánh sáng.

Mục đích của các tư tưởng thời kỳ Ánh sáng là pháp điển hóa trong Luật và Văn bản Luật sự điệp Tin Mừng (nhiều triết gia thời kỳ Ánh Sáng, trong bản thể sâu xa, là Kitô hữu): Trước mắt Thiên Chúa, ngay từ khi sinh ra, mọi người đều bình đẳng.

Và công việc của các triết gia thời Ánh Sáng cho phép hình thành một cách khá nhanh chóng (không đầy một thế kỷ) các quy định pháp luật nhằm đến ba điều sau:

1/ Ngăn chặn những người giàu và những người có quyền lực thay thế dưới một hình thức khác hay một kiểu nô lệ khác, và nhu vậy là tái lập sự bất bình đẳng.

2/ Ngăn chặn những “người nhỏ bé” khỏi tàn sát những kẻ trợ phú và những kẻ có quyền hành khi mà các Jacqueries² (các cuộc nổi dậy của những người nông dân nghèo khổ, người dịch) tất yếu phải làm thế vì mất hết niềm tin vào các giai cấp thống trị, điều này dẫn đến việc những người nhỏ bé phạm tội ác cao nhất, là tội giết người.

3/ Để đạt đến hai mục đích này, cần có một nhà nước mạnh, những cũng cần phải ngăn chặn nhà nước đó khỏi trở thành độc tài. Nhà nước phải có quyền lực nhưng quyền lực phải được giới hạn và được kiểm soát.

Ba quy định pháp luật, được đưa ra vào kỷ nguyên Ánh Sáng nhằm đạt đến các mục đích này, xác lập nên nội dung chính yếu của điều gọi là Chủ nghĩa Tự do. Cũng cần ghi nhận, Chủ nghĩa Tự do đã không hề đề cập đến kinh tế mà liên quan đến Pháp Luật bởi vì chỉ có một nền Pháp Luật bình đẳng mới cho phép tất cả mọi người thực thi Tự do cá nhân.

Một khi những quy định này được thiết lập, tại Scotland, tại Hoa Kỳ, tại Vương Quốc Anh và nhiều nước khác xuất hiện “phép lạ” tăng trưởng kinh tế, luôn luôn làm thay đổi bộ mặt thế giới. Nhưng tăng trưởng kinh tế là kết

quả của việc thành lập các quy định pháp luật chứ không phải là nguyên nhân như nhiều người đã lầm tưởng.

Thật kỳ lạ, Giáo hội Công giáo từ lâu đã phản đối các quy định mới này, chúng như đụng tới huấn quyền luân lý của Giáo Hội, trong lúc những cải cách của các tư tưởng Ánh Sáng lại được thực hiện ở các giáo phái Tin Lành. May mắn thay, điều mà Giáo hội chống đối nói ở trên, nay không còn nữa, và nếu có sự phủ nhận giá trị tự do của các nhà tư tưởng Ánh sáng thì chỉ còn sót lại ở Giáo hội Công giáo cổ³, cách riêng ở Pháp, hơi ôi, thay thế một sai lầm này bằng một sai lầm khác...

Từ chỗ này mà sự việc trở thành tối tệ.

Có một niềm Tin tôn giáo mới, mạnh mẽ chống đối những nguyên tắc của Chủ nghĩa tự do, được khai sinh, Chủ nghĩa xã hội, niềm Tin mới này khai sinh một giáo hội mới và giáo hội mới này đã thành công một cách bi thảm nhất trong việc đổi hướng di sản của Lịch sử, bằng cách cho rằng chỉ có họ mới hiểu các phúc âm và họ cần phải chinh phục nhà nước bằng cách thực hiện bằng vũ lực sự điệp về sự bình đẳng mà họ tìm thấy ẩn tàng trong đó.

Đây là gian lận về mặt trí tuệ chưa từng có trong Lịch sử và chúng ta đang phải đối mặt với một sự trở lại ngấm ngấm của chế độ bộ lạc thấp kém nhất, mục đích là để thiết lập một loại chế độ Thần quyền thế tục dựa vào sự ghen tuông và lòng hận thù với người hàng xóm, chính phủ đó đã nhân danh điều Thiện, nhưng trong thực tế chỉ có lợi cho một hàng giáo sĩ mới.

Chủ nghĩa xã hội không phải là người thừa kế trực tiếp của Kitô giáo, nhưng là phản đề, là kẻ đối nghịch xấu xa của Kitô giáo, chủ nghĩa này, mặt khác, ở khắp mọi nơi và luôn luôn khủng bố các Kitô hữu.

Vì vậy, chúng ta phải tố cáo, luôn luôn tố cáo, rồi lại tố cáo sự lừa bịp này và không ngừng ghi nhớ nguồn gốc chúng ta đến từ đâu. Chúng ta nguồn gốc từ Tin Mừng và điều đó không được quên. Chúng ta tin tưởng vào Pháp Luật nhưng nó chẳng có gì để xem vì các luật tạm bợ được đưa sổ xu thời bỏ phiếu thông qua.

◆ BBT(chuyển ngữ)

Nguồn:<http://institutdeslibertes.org/le-grand-retour-de-la-liberte-individuelle-comme-valeur-essentiellement-chretienne/>

³ Công giáo Cổ (Vieux catholiques, Old Catholics) nhóm Công giáo tự tách ra khỏi Giáo Hội vì không chấp nhận Tín điều vô ngộ của Giáo hoàng do Công đồng Vatican I công bố năm 1870. Họ tự xưng là “Công giáo Cổ kính” hợp thành những Giáo Hội ở Đức, Hà Lan, Thụy Sĩ, Pháp và một số nước khác.

TÓM LƯỢC SỰ TỰ DO CỦA CON NGƯỜI

- SÁCH GIÁO LÝ CỦA HỘI THÁNH CÔNG GIÁO-

11743. “Thiên Chúa đã muốn con người tự quyết định lấy” (Hc 15,14) để họ có thể tự nguyện gắn bó với Đấng Tạo Hoá của mình và như vậy có thể đạt tới vinh phúc hoàn hảo (x. GS 17,1)

1744. Sự tự do là khả năng để hành động hay không hành động và như vậy tự mình làm những hành động có ý thức. Sự tự do đạt tới mức hoàn hảo khi nó được quy hướng về Thiên Chúa là sự thiện tối thượng.

1745. Tự do là nét đặc trưng của các hành vi nhân linh. Vì có tự do, con người phải chịu trách nhiệm về các hành vi mình chủ ý làm. Hành động chủ ý thuộc về chính tác giả.

1746. Việc quy tội và trách nhiệm của một hành động nào đó có thể được giảm thiểu hay được loại bỏ vì lý do không biết, do áp lực, do sợ hãi, và do các nguyên nhân khác về tâm thần hoặc xã hội.

1747. Quyền sử dụng sự tự do là một đòi hỏi không thể tách biệt khỏi phẩm giá của nhân vị, đặc biệt trong lãnh vực tôn giáo và luân lý. Nhưng việc thực thi sự tự do không bao hàm quyền tiên quyết được làm mọi sự hoặc nói mọi sự.

1748. “Chính để chúng ta được tự do mà Đức Kitô đã giải thoát chúng ta” (Gl 5,1).

(Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo, Bản dịch chính thức của Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin trực thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, Nhà Xuất Bản Tôn Giáo - Hà Nội 2009, tr. 518)

CHỦ ĐỀ SỨ ĐIỆP NGÀY HÒA BÌNH THẾ GIỚI LẦN THỨ 44 TẬP TRUNG VÀO ĐỀ TÀI: “TỰ DO TÔN GIÁO, CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN HÒA BÌNH”. HỒNG Y PETER TURKSON, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG GIÁO HOÀNG CÔNG LÝ VÀ HÒA BÌNH TRONG BUỔI HỌP BÁO GIỚI THIỆU SỨ ĐIỆP NÓI RẰNG ĐỨC BÊNÊĐICTÔ CHỌN ĐỀ TÀI NÀY “VÌ VIỆC SỐNG TỰ DO TÔN GIÁO – MỘT ƠN GỌI CĂN BẢN CỦA NHÂN LOẠI VÀ MỘT QUYỀN CON NGƯỜI NỀN TẢNG, BẤT KHẢ CHUYỂN NHƯỢNG, VÀ LÀ CHÌA KHÓA CHO HÒA BÌNH – ĐÃ BỊ CẶNG THẮNG VÀ ĐE DỌA NGHIÊM TRỌNG.”

ĐỌC SỨ ĐIỆP “TỰ DO TÔN GIÁO, CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN HÒA BÌNH”

◆Đinh Quang Bàn

Đức Phaolô VI đã thiết lập ngày 1 tháng giêng là Ngày Hoà bình Thế giới và kể từ năm 1968 trở đi, vào ngày đầu năm dương lịch, các đức giáo hoàng đều chia sẻ một sứ điệp hoà bình với thế giới. Đức Bênêđictô viết sứ điệp hoà bình năm 2011 sau khi có 52 người tín hữu Công giáo bị giết ngày 31 tháng 10 năm 2010 trong khi cử hành Thánh lễ tại Bátđã. Trước biến cố bi thảm đó, ngài chọn đề tài là “Tự Do Tôn Giáo, Con Đường Dẫn Đến Hòa Bình”. Ngài nhắc ta rằng “Quyền tự do tôn giáo có căn cội trong chính phẩm giá con người”, là nội dung chính của *Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo* của Công đồng Vatican II.

Chúng ta hãy cùng đọc lại sứ điệp này trong một cố gắng tìm hiểu về quyền tự do tôn giáo – một nhân quyền cơ bản, chìa khóa cho hoà bình, và một đề tài trung tâm của Giáo huấn Xã hội Công giáo – qua Sứ điệp Hoà bình cuối cùng của Đức Bênêđictô trong bối cảnh quyền ấy vẫn còn đang bị xâm hại, mà nạn nhân chính, “các tín hữu Kitô là nhóm tôn giáo đang phải chịu nhiều cuộc bách hại nhất vì đức tin”.

Sứ điệp Hoà bình có nội dung rất phong phú, bàn về 15 điểm dưới đây.

1. Bất khoan dung tôn giáo – một đe dọa đến an ninh và hoà bình

Đức thánh cha cho rằng “tự do tôn giáo là phương thể để kiểm chứng xem tất cả các nhân quyền khác có được tôn trọng hay không” (5). “Thật là đau lòng khi nhận thấy tại một số miền trên thế giới, người ta không thể tuyên xưng và tự do biểu lộ tôn giáo của mình, vì có nguy cơ bị mất mạng và mất tự do bản thân. Tại các miền khác, có những hình thức âm thầm và tinh vi hơn qua những thành kiến và chống đối các tín hữu và các biểu tượng tôn giáo”.

Ngài nhận định: “Hiện nay các tín hữu Kitô là nhóm tôn giáo đang phải chịu nhiều cuộc bách hại nhất vì đức tin. Bao nhiêu người hằng ngày phải chịu những xúc phạm và thường sống trong sợ hãi vì sự tìm kiếm của họ đối với chân lý, vì niềm tin của họ nơi Chúa Giêsu Kitô và lời kêu gọi chân thành của họ yêu cầu nhìn nhận tự do tôn giáo. Tất cả những điều ấy không thể chấp nhận được, vì đó là một sự xúc phạm đến Thiên Chúa và phẩm giá con người; hơn nữa, đó là một đe dọa an ninh và hoà bình, và nó ngăn cản việc thực thi sự phát triển toàn diện đích thực cho con người”.

2. Quyền thánh thiêng được sống và có đời sống tinh thần

“Quyền tự do tôn giáo có căn cội trong chính phẩm giá con người, và không thể làm ngơ không biết tới hoặc lơ là bản tính siêu việt của con người. Thiên Chúa đã dựng nên con người nam nữ theo hình ảnh giống Ngài (xc. St 1,27). Vì thế, mỗi người đều có quyền thánh thiêng là có một cuộc sống toàn vẹn về phương diện tinh thần. Nếu không nhìn nhận bản chất tinh thần của mình, không cởi mở đối với siêu việt, thì con người sẽ co cụm vào mình, không tìm được những câu trả lời cho những vấn nạn của tâm hồn mình về ý nghĩa cuộc sống và không thủ đắc được những giá trị và nguyên tắc luân lý lâu bền. Họ cũng không cảm nghiệm được tự do chân thực cũng như không phát triển một xã hội công chính”.

3. Tự do tôn giáo và sự tôn trọng nhau

“Tự do tôn giáo ở căn cội tự do luân lý. Thật vậy, sự cởi mở đối với chân lý và sự thiện, cởi mở đối với Thiên Chúa, có nguồn cội nơi bản tính con người, mang lại phẩm giá trọn vẹn cho mỗi người và là bảo đảm sự tôn trọng giữa con người với nhau một cách trọn vẹn. [...] Một tự do thù nghịch và dửng dưng đối với Thiên Chúa rốt cục sẽ chối bỏ chính tự do và không bảo đảm sự tôn trọng hoàn toàn đối với tha nhân”.

4. Gia đình, trường dạy tự do và hòa bình

“Nếu tự do tôn giáo là con đường dẫn đến hòa bình, thì giáo dục tôn giáo là con đường ưu tiên để giúp giới trẻ có khả năng nhìn nhận tha nhân là anh em, chị em của mình, cùng tiến bước và cộng tác để tất cả mọi người cảm thấy mình là những phần tử sinh động của cùng một gia đình nhân loại, và không ai bị loại khỏi gia đình này.

Ngài xem “gia đình dựa trên hôn nhân, biểu lộ sự kết hiệp thân mật và bổ túc giữa người một người nam và một người nữ” là “trường học đầu tiên để huấn luyện và làm tăng trưởng con cái về mặt xã hội, văn hóa, luân lý và tinh thần, chúng phải luôn luôn có thể tìm được nơi cha mẹ những chứng nhân đầu tiên về một cuộc sống hướng về sự tìm kiếm chân lý và tình thương của Thiên Chúa. Chính các cha mẹ phải luôn được tự do và với tinh thần trách nhiệm thông truyền gia sản đức tin, các giá trị và văn hóa của mình cho con cái mà không bị cưỡng bách. Gia đình, tế bào đầu tiên của xã hội loài người, vẫn là môi trường đầu tiên để huấn luyện về những quan hệ hòa hợp ở mọi cấp độ của sự sống chung giữa con người, quốc gia và quốc tế”.

5. Một gia sản chung

“Khi tự do tôn giáo được nhìn nhận, thì phẩm giá con người được tôn trọng trong căn cội của nó và luân lý cũng như các định chế của các dân tộc được củng cố. Trái lại, khi tự do tôn giáo bị chối bỏ, khi toan tính ngăn cản việc tuyên xưng tôn giáo hoặc tín ngưỡng và cuộc sống phù hợp với tôn giáo, thì người ta xúc phạm đến phẩm giá con người, và đồng thời đe dọa công lý và hòa bình, là những điều dựa trên trật tự ngay thẳng của xã hội được xây dựng dưới ánh sáng của Sự Thật và Sự Thiện Tối Cao.

[...] Qui định quốc tế nhìn nhận rằng các quyền về tôn giáo có cùng qui chế như quyền sống và tự do cá nhân, vì chúng thuộc về nòng cốt các quyền con người, thuộc về các quyền phổ quát và tự nhiên mà nhân luật không bao giờ có thể chối bỏ.



Tự do tôn giáo không phải là một gia sản độc quyền của các tín hữu, nhưng của toàn thể gia đình các dân tộc trên trái đất”.

6. Chiều kích công cộng của tôn giáo

“Tự do tôn giáo, cũng như mọi quyền tự do khác, tuy ở trong lĩnh vực bản thân, nhưng cũng được thực hiện trong tương quan với tha nhân. Một tự do không có tương quan thì không phải là tự do đầy đủ. Cả tự do tôn giáo cũng không đóng khung trong chiều kích cá nhân mà thôi, nhưng được thể hiện trong cộng đoàn và xã hội của mình, phù hợp với đặc tính của con người là một hữu thể có tương quan và với bản chất công khai của tôn giáo.

Đặc tính có quan hệ là một yếu tố quyết định của tự do tôn giáo, thúc đẩy cộng đoàn các tín hữu thực thi tình liên đới để mưu công ích. Trong chiều kích cộng đoàn này, mỗi người vẫn giữ nguyên đặc tính có một không hai và không thể sao lại, và đồng thời được bổ túc và thể hiện trọn vẹn.

Một điều không thể phủ nhận là sự đóng góp mà cộng đoàn tôn giáo mang lại cho xã hội. Có nhiều tổ chức từ thiện và văn hóa chứng tỏ vai trò xây dựng của các tín hữu cho đời sống xã hội. Điều quan trọng hơn nữa chính là sự đóng góp của tôn giáo về luân lý đạo đức trong lĩnh vực chính trị. Không được gạt bỏ hoặc cấm đoán sự đóng góp này, nhưng phải hiểu đây là một đóng góp giá trị cho sự thăng tiến công ích. Trong viễn tượng này cần nói đến chiều kích tôn giáo của văn hóa, được hình thành qua bao thế kỷ nhờ những đóng góp của tôn giáo về mặt xã hội và nhất là về luân lý đạo đức. Chiều kích này không hề tạo nên một sự kỳ thị những người không chia sẻ cùng một tín ngưỡng, trái lại nó củng cố sự đoàn kết xã hội, sự hội nhập và liên đới.

7. Tự do tôn giáo, sức mạnh của tự do và văn minh: những nguy cơ bị lợi dụng

“Sự lợi dụng tự do tôn giáo để che đậy những lợi lộc thầm kín, ví dụ để lật đổ trật tự đã được thiết định, chiếm hữu tài nguyên hoặc duy trì quyền bính từ phía một phe nhóm, có thể tạo nên những tai hại rất lớn cho xã hội. Thái độ cuồng tín, cực đoan, những hành động trái với phẩm giá con người, không bao giờ có thể biện minh được và càng không thể thực hành những điều đó nhân danh tôn giáo. Không thể lợi dụng sự tuyên xưng một tôn giáo và cũng không thể áp đặt sự tuyên xưng ấy bằng võ lực. Vì thế, các quốc gia và các cộng

đồng con người không bao giờ được quên rằng tự do tôn giáo là điều kiện để tìm kiếm sự thật và không thể bị áp đặt sự thật bằng bạo lực nhưng bằng “*sức mạnh của chính sự thật*”. Theo ý nghĩa đó, tôn giáo là sức mạnh tích cực và là động lực thúc đẩy xây dựng xã hội dân sự và chính trị.

[...] Sự chân thành tìm kiếm Thiên Chúa đã đưa tới sự tôn trọng nhiều hơn đối với phẩm giá con người. Các cộng đồng Kitô, với gia sản các giá trị và nguyên tắc của mình, đã đóng góp nhiều cho sự ý thức về con người và các dân tộc về căn tính và phẩm giá của mình, và cho sự chinh phục của các định chế dân chủ, cũng như cho sự củng cố các quyền con người và những nghĩa vụ tương ứng.

Ngày nay, trong một xã hội ngày càng toàn cầu hóa, các tín hữu Kitô cũng được mời gọi, không những qua sự dẫn thân trách nhiệm về mặt dân sự, kinh tế và chính trị, nhưng còn qua chứng tá tin yêu của mình, góp phần quý giá vào công trình, tuy cam go nhưng rất phấn khởi, cho công lý, cho sự phát triển toàn diện con người và cho trật tự đúng đắn của các thực tại con người. Sự loại trừ tôn giáo ra khỏi lĩnh vực công cộng tước bỏ môi trường sinh tử đó của xã hội, một môi trường cởi mở hướng về siêu việt”.

8. Một vấn đề công lý và văn minh: trào lưu cực đoan và sự thù nghịch đối với các tín hữu làm thiệt hại cho đặc tính đời tích cực của Nhà nước

“... trào lưu tôn giáo cực đoan (duy căn) và duy đời là những hình thức tương ứng và cực đoan của sự phủ nhận đa nguyên hợp pháp và nguyên tắc đời. Thật vậy cả hai thái độ đó đều tuyệt đối hóa nhân sinh quan hẹp hòi và phiếm diện, trong trường hợp thứ nhất, nó tạo điều kiện dễ dàng cho những hình thức tôn giáo thủ cựu và trong trường hợp thứ hai nó cổ vũ chủ thuyết duy lý. Xã hội nào muốn dùng bạo lực để áp đặt, hoặc ngược lại, phủ nhận tôn giáo, là một xã hội bất công đối với con người và Thiên Chúa, và đối với cả chính mình nữa. Thiên Chúa kêu gọi nhân loại đến với Ngài trong ý định yêu thương, ý định này liên hệ tới toàn thể con người trong chiều kích tự nhiên và tinh thần, và đòi con người phải đáp lại trong tự do và trách nhiệm, với trọn tâm hồn và trọn hữu thể của mình, theo chiều kích cá nhân và cộng đoàn.

Vì thế, cả xã hội, trong tư cách là một sự biểu hiện con người và toàn thể các chiều kích cấu thành của con người, cũng phải sống và được tổ chức làm sao để giúp con người cởi mở đối với siêu việt. Chính vì thế, không thể thiết lập các luật lệ và định chế của xã hội mà không để ý tới chiều kích tôn giáo của các công dân hoặc hoàn toàn loại bỏ chiều kích ấy. Nhờ sự tham gia trong tinh thần dân chủ của mọi công dân ý thức về ơn gọi cao cả của mình, các luật lệ và định chế phải tương xứng với con người để có thể giúp con người trong chiều kích tôn giáo của họ. Vì không phải là điều do Nhà Nước tạo nên,

nên chiều kích tôn giáo không thể bị Nhà Nước lèo lái; đúng hơn, Nhà Nước phải nhìn nhận và tôn trọng chiều kích ấy.

Hệ thống luật pháp ở mọi cấp độ, quốc gia và quốc tế, khi cho phép hoặc tỏ ra dung dưỡng trào lưu cuồng tín về tôn giáo hoặc chống tôn giáo thì hệ thống ấy lỗi sứ mạng của mình là bảo vệ và thăng tiến công lý cũng như quyền của mọi người”.

9. Đối thoại giữa các tổ chức dân sự và tôn giáo

Phải luôn luôn tôn trọng chiều kích công cộng của tôn giáo, trong niềm tôn trọng đặc tính đời tích cực của các tổ chức quốc gia. Với mục đích đó, một điều cơ bản là phải thiết lập sự đối thoại lành mạnh giữa các tổ chức dân sự và tôn giáo để phát triển toàn diện con người và sự hòa hợp xã hội”.

10. Sống trong tình thương và sự thật

“Trong thế giới toàn cầu hóa, làm cho xã hội ngày càng đa chủng tộc và đa tôn giáo, các tôn giáo lớn có thể là một yếu tố quan trọng giúp đoàn kết và mang lại hòa bình cho gia đình nhân loại. Từ những xác tín tôn giáo của mình và tìm kiếm công ích hợp lý, các tín đồ tôn giáo được mời gọi sống sự dẫn thân của mình với tinh thần trách nhiệm trong một bối cảnh tự do tôn giáo. Giữa những nền văn hóa tôn giáo khác nhau, phải loại bỏ tất cả những gì trái ngược phẩm giá người nam và người nữ, và đối lại, cần phải đón nhận tất cả những gì là tích cực cho sự sống chung dân sự như một kho tàng quý giá.

[...]Về phần các tín hữu Kitô, họ được niềm tin nơi Thiên Chúa là Cha Đức Giêsu Kitô kêu gọi hãy sống như anh em, gặp gỡ nhau trong Giáo Hội và cộng tác vào việc xây dựng một thế giới trong đó cá nhân và các dân tộc, sẽ “*không còn làm điều ác và bạo hành...*”).

11. Đối thoại như một sự cùng nhau tìm kiếm

“Đối với Giáo Hội, việc đối thoại giữa các tín đồ tôn giáo khác nhau là một phương thế quan trọng để cộng tác với tất cả các cộng đoàn tôn giáo hầu mưu công ích. Giáo Hội cũng không loại bỏ những gì là chân thật và thánh thiêng trong các tôn giáo khác. “*Giáo Hội chân thành tôn trọng những lối sống và hành động, các giới luật và đạo lý ấy, dù chúng khác biệt trong nhiều điểm với những gì Giáo Hội tuyên xưng và đề nghị, nhưng nhiều khi chúng cũng phản ánh một tia sáng chân lý soi chiếu cho tất cả mọi người*”.

Con đường như thế không phải là con đường duy tương đối hoặc tổng hợp tôn giáo. Thật vậy, Giáo Hội “*loan báo và bó buộc phải loan báo, Đức Kitô là “đường, là sự thật và là sự sống” (Ga 14,6), nơi Người con người phải tìm được sự viên mãn của đời sống tôn giáo và trong Người Thiên Chúa đã hòa giải với mình tất cả mọi sự*”. Điều này không loại bỏ đối thoại và sự cùng nhau tìm kiếm sự thật trong các lĩnh vực sinh tử, như một câu nói thường được thánh Tômasô Aquinô sử dụng, “*Mọi chân lý, bất kỳ do ai nói lên, đều đến từ Thánh Linh*”.

Đức thánh cha nhận xét “năm 2011 là năm kỷ niệm 25 năm Ngày Thế giới cầu nguyện cho hòa bình, được Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II triệu tập tại Assisi năm 1986. Trong dịp đó các vị lãnh đạo các tôn giáo lớn trên thế giới đã chứng tỏ rằng tôn giáo là một yếu tố đoàn kết và hòa bình, chứ không phải là yếu tố chia rẽ và xung đột. Kỷ niệm kinh nghiệm ấy là một động lực thúc đẩy hy vọng một tương lai trong đó tất cả các tín hữu đều cảm thấy và thực sự trở thành những người kiến tạo công lý và hòa bình”.

12. Sự thật luân lý trong chính trị và ngoại giao

“Chính trị và ngoại giao phải nhìn gia sản luân lý và tinh thần do các tôn giáo lớn trên thế giới mang lại để công nhận và khẳng định chân lý, các nguyên tắc và các giá trị phổ quát mà nếu phủ nhận chúng, thì đồng thời người ta cũng chối bỏ chính phẩm giá con người”.

13. Khắc phục oán ghét và thành kiến

“Mặc dù có những bài học lịch sử và sự dẫn thân của các quốc gia, các Tổ chức quốc tế trên bình diện hoàn cầu và địa phương, cũng như của các Tổ chức phi chính phủ và của mọi người nam nữ thiện chí hàng ngày xả thân bảo vệ các quyền và tự do căn bản, trên thế giới ngày nay người ta ghi nhận vẫn còn những cuộc bách hại, kỳ thị, những hành vi bạo lực và bất bao dung dựa trên tôn giáo.

[...] Rồi như tôi đã nói, có những hình thức tinh vi hơn thù nghịch chống lại tôn giáo, tại các nước Tây phương, những hình thức này đôi khi được biểu lộ qua sự chối bỏ lịch sử và các biểu tượng tôn giáo trong đó có phản ánh căn tính và văn hóa của đại đa số công dân. Những hình thức đó thường nuôi dưỡng oán ghét và thành kiến, và không phù hợp với quan niệm trong sáng và quân bình về sự đa nguyên và đặc tính đời của các tổ chức chính quyền, không kể sự kiện các thế hệ trẻ có nguy cơ không được tiếp xúc với gia sản tinh thần quý giá của quê hương họ.

Việc bảo vệ tôn giáo được thể hiện qua sự bảo vệ các quyền và tự do của các cộng đồng tôn giáo. Các vị lãnh đạo các tôn giáo lớn trên thế giới và các vị lãnh đạo quốc gia cần tái quyết tâm dẫn thân thẳng tiến và bảo vệ tự do tôn giáo, đặc biệt là bảo vệ các nhóm tôn giáo thiểu số, các nhóm này không phải là một đe dọa chống lại căn tính của nhóm đa số, nhưng trái lại họ là cơ hội để đối thoại và làm cho nhau được thêm phong phú về văn hóa”.

14. Tự do tôn giáo trên thế giới

“Sau cùng, tôi ngó lời với các cộng đồng Kitô đang bị bách hại, kỳ thị, phải chịu những hành vi bạo lực và bất bao dung, đặc biệt tại Á, Phi, Trung Đông, và nhất là tại Thánh Địa, nơi đã được Thiên Chúa ưu tuyển và chúc lành. Trong khi tôi tái bày tỏ với họ lòng quý mến hiển phụ và đoạn hứa cầu nguyện cho họ, tôi xin tất cả các vị hữu trách hãy mau lẹ hành động để chấm dứt mọi bạo hành chống các Kitô hữu cư ngụ tại các miền ấy. Ước gì

các môn đệ Chúa Kitô, đứng trước những nghịch cảnh hiện tại, vẫn không nản chí, vì việc làm chứng cho Tin Mừng đang và sẽ luôn luôn là dấu chỉ chống đối!

Chúng ta hãy suy niệm trong lòng những lời của Chúa Giêsu: “*Phúc cho những người khóc lóc, vì họ sẽ được an ủi [...]. Phúc cho những người đói khát sự công chính, vì họ sẽ được no đầy [...]. Phúc cho các con khi người ta lăng mạ, bách hại các con, và nói xấu đủ điều chống lại các con vì Thầy. Các con hãy vui mừng hân hoan, vì phần thưởng các con thật lớn lao ở trên trời*” (Mt 5,4-12). Vậy chúng ta tái “quyết tâm thực thi bao dung và tha thứ, mà chúng ta cầu xin trong kinh Lạy Cha, coi đó như điều kiện và mẫu mực để được lòng từ bi mong ước. Thật vậy, chúng ta cầu nguyện thế này “*Xin tha nợ chúng con như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con*” (Mt 6,12) (17). Không thể thắng bạo lực bằng bạo lực. Cần phải luôn làm cho tiếng kêu đau thương của chúng ta được đức tin, cậy và chúng ta về tình thương của Thiên Chúa đi kèm. Tôi cũng mong ước rằng tại Tây phương, đặc biệt tại Âu châu, sẽ chấm dứt những thái độ thù nghịch và những thành kiến chống các tín hữu Kitô chỉ vì họ muốn làm cho cuộc sống của họ phù hợp với các giá trị và nguyên tắc đã được diễn tả trong Tin Mừng”.

15. Tự do tôn giáo, con đường dẫn đến hòa bình

Ngài nói: “Thế giới cần đến Thiên Chúa. Cần những giá trị luân lý đạo đức và tinh thần, phổ quát và chung, và tôn giáo có thể cống hiến một sự đóng góp quý giá trong việc tìm kiếm các giá trị ấy để xây dựng một trật tự xã hội công chính và hòa bình, trên bình diện quốc gia và quốc tế.

Hòa bình là một hồng ân của Thiên Chúa và đồng thời là một dự phóng cần phải thực hiện, nhưng không bao giờ hoàn tất trọn vẹn. Một xã hội được hòa giải với Thiên Chúa thì gần gũi với hòa bình hơn, và hòa bình không phải chỉ là vắng bóng chiến tranh, không phải chỉ là thành quả của sự thống trị kinh tế hoặc chính trị và càng không phải là kết quả của những gian xảo lừa đảo hoặc những lèo lái khéo léo. Trái lại, hòa bình là kết quả của một tiến trình thanh tẩy và nâng cao văn hóa, luân lý và tinh thần của mỗi người và mỗi dân tộc, trong đó phẩm giá con người được hoàn toàn tôn trọng. Tôi mời gọi tất cả những ai muốn trở thành người xây dựng hòa bình, nhất là người trẻ, hãy lắng nghe tiếng nói trong nội tâm mình, để tìm thấy nơi Thiên Chúa điểm tham chiếu vững bền hầu đạt tới tự do chân chính, sức mạnh vô tận để định hướng thế giới với một tinh thần mới mẻ, có khả năng không tái phạm những lỗi lầm quá khứ.

[...] Tự do tôn giáo là võ khí đích thực của hòa bình, với sứ mạng lịch sử và ngôn sứ. Thật vậy tự do tôn giáo để cao giá trị và làm cho những phẩm tính và tiềm năng sâu xa nhất của con người được kết quả, có khả năng thay đổi và cải tiến thế giới”.

TỰ DO TÔN GIÁO, quyền căn bản của con người

Chính trong tự do tôn giáo có biểu lộ đặc tính của con người, nhờ tự do ấy con người có thể xếp đặt đời sống bản thân và xã hội của mình theo Thiên Chúa: dưới ánh sáng của Chúa, con người hiểu được trọn vẹn căn tính, ý nghĩa và cùng đích của mình. Phủ nhận hoặc giới hạn tự do tôn giáo một cách độc đoán có nghĩa là nuôi dưỡng một quan niệm hẹp hòi về con người, làm lu mờ vai trò công cộng của tôn giáo có nghĩa là tạo nên một xã hội bất công, vì không hợp với bản chất đích thực của con người; điều này có nghĩa là làm cho sự khẳng định một nền hòa bình chân chính và lâu bền của toàn thể nhân loại trở thành điều không thể thực hiện được.

Vì vậy, tôi nhắn nhủ những người nam nữ thiện chí hãy canh tâm quyết tâm xây dựng một thế giới trong đó tất cả mọi người đều được tự do tuyên xưng tôn giáo hoặc tín ngưỡng của mình và sống tình yêu của mình đối với Thiên Chúa một cách hết lòng, hết linh hồn và tâm trí (xc. Mt 22,37)” (Đức Giáo hoàng Bênêđictô, *Sứ điệp Ngày Hoà bình Thế giới* 2011).

Hội thánh Công giáo tổng hợp suy tư của mình về tự do tôn giáo trong Tuyên ngôn về Tự do Tôn giáo của Công đồng Vatican II, *Dignitatis Humanae*, ban hành ngày 7 tháng 12 năm 1965 (“Tuyên ngôn”).

Trước đó, trong Thông điệp *Pacem in Terris* ngày 11 tháng 4 năm 1963, đức Giáo hoàng Gioan XXIII long trọng tuyên bố mọi người có “quyền thờ phượng Thiên Chúa theo tiếng nói ngay chính của lương tâm mình”.

Là văn kiện cuối cùng của Công đồng Vatican II (họp tại Roma từ 1962-1965) và được đức Giáo hoàng Phaolô VI ký ban hành ngày 7 tháng 12 năm 1965, Tuyên ngôn khẳng định tự do tôn giáo là quyền của mọi người. Giáo huấn này đánh dấu một sự thay đổi lớn so với lập trường trước đó của Hội thánh là người không Công giáo không có quyền thờ phượng bởi vì “sai lầm không có quyền”.

I. Bố cục Tuyên ngôn

Văn kiện này rất ngắn, gồm phần mở đầu và hai chương, tổng cộng 15 số. Tuy nhiên, tên gọi đầy đủ thì khá dài: *Tuyên ngôn về Tự do Tôn giáo Dignitatis Humanae về Quyền Tự do Xã hội và Dân sự của Cá nhân và Cộng đồng trong các Vấn đề Tôn giáo*.

- Phần mở đầu khẳng định quyền tự do tôn giáo được đặt cơ sở trên phẩm giá của nhân vị (1).
- Chương 1 xác định “nguyên tắc tổng quát về tự do tôn giáo” (2-8).
- Chương 2 xem xét “tự do tôn giáo dưới ánh sáng mạc khải” (9-15).

Cha Pietro Pavan, đồng tác giả Tuyên ngôn, xác định các “yếu tố chính” của văn kiện như sau:

◆Đinh Quang Bàn



1. Mọi nhân vị đều có quyền tự do tôn giáo.
2. Quyền này có đối tượng hoặc nội dung là sự đặc miễn mọi cưỡng bách khỏi các bàn tay cá nhân, đoàn thể hoặc công quyền.
3. Sự đặc miễn được hiểu theo hai nghĩa:
 - a. không ai bị buộc phải hành động trái lương tâm trong những vấn đề tôn giáo;
 - b. không ai bị hạn chế cũng trong chính các vấn đề tôn giáo.
4. Quyền tự do tôn giáo có nền tảng trong phẩm giá của nhân vị.
5. Quyền này đòi hỏi sự công nhận và phê duyệt trong luật hiến pháp.

II. Nội dung chính của Tuyên ngôn

Tuyên ngôn khẳng định tự do tôn giáo là một quyền căn bản của con người.

1. Tự do tôn giáo, một quyền căn bản

Tự do tôn giáo, trước hết là quyền của mọi cá nhân.

Tự do của mọi cá nhân

Mọi người đều có quyền tự do tôn giáo, một quyền có nền tảng ở trong chính phẩm giá của con người.



“Công Đồng Vatican này tuyên bố con người có quyền tự do tôn giáo. Quyền tự do này nghĩa là con người không bị chi phối vì sự cưỡng bách của cá nhân, đoàn thể xã hội hay bất cứ quyền bính trần gian nào khác. Với ý nghĩa đó, trong lãnh vực tôn giáo, không ai bị ép buộc hành động trái với lương tâm, cũng không ai bị ngăn cấm hành động theo lương tâm, dù cho đó là hành động riêng tư hay công khai, một mình hay cùng với người khác, trong những giới hạn chính đáng.

Hơn nữa, Công Đồng còn tuyên bố rằng tự do tôn giáo thực sự được xây dựng trên phẩm giá con người, một phẩm giá đúng như lời Thiên Chúa mạc khải và chính lý trí cho biết được. Quyền tự do tôn giáo của con người trong cơ cấu pháp lý của xã hội phải được chấp nhận là một quyền lợi dân sự” (2).

Mọi người phải được tự do tìm kiếm chân lý không bị ép buộc. Ngoài ra, Công Đồng còn đề cập chủ thể xã hội được hưởng quyền tự do này còn là những tập thể tôn giáo.

Tự do của cộng đoàn tôn giáo

Tuyên ngôn lập luận: “Quyền tự do hay quyền đặc miễn khỏi mọi cưỡng bách trong lãnh vực tôn giáo được nhìn nhận cho mỗi cá nhân, thì cũng phải được chấp nhận trong khi họ hành động chung với nhau vì bản tính xã hội của con người cũng như bản chất của tôn giáo đều đòi phải có những cộng đoàn tôn giáo” (4).

Cũng trong đoạn 4, Tuyên ngôn khẳng định cộng đoàn tôn giáo:

- được tự do để hoạt động theo những quy luật riêng, công khai phụng thờ Đấng Tối Cao giúp đỡ các tín hữu trong việc thực thi đời sống tôn giáo, nuôi dưỡng họ bằng giáo lý, phát triển các tu hội, trong đó các phần tử cộng tác với nhau để tổ chức đời sống riêng theo những nguyên tắc tôn giáo của họ;
- có quyền đòi các cơ quan lập pháp, hành pháp dân sự không có quyền ngăn cản việc chọn lựa, đào tạo, bổ nhiệm và chuyển các viên chức riêng của mình, việc liên lạc với giáo quyền và những cộng đoàn tôn giáo ở những nơi khác trên hoàn cầu, việc thiết lập các cơ sở tôn giáo cũng như thu hoạch và quản trị những tài sản thích hợp; và
- có quyền công khai giảng dạy và minh chứng đức tin của mình bằng lời nói và bằng chữ viết mà không bị cấm cản”.

Các gia đình cũng là những chủ thể xã hội hưởng quyền này. ►

► Tự do tôn giáo của gia đình

Tuyên ngôn nêu rõ rất cụ thể về quyền này:

“Mỗi gia đình, với tư cách là xã hội được hưởng quyền lợi riêng biệt và tiên quyết, có quyền tự do tổ chức đời sống tôn giáo trong gia đình mình, dưới sự hướng dẫn của cha mẹ. Cha mẹ cũng có quyền ấn định việc giáo dục cho con cái theo tôn giáo mình tin tưởng. Vì thế, quyền bính dân sự phải chấp nhận quyền tự do thực sự của cha mẹ trong việc lựa chọn trường học và những phương tiện giáo dục khác, và không có quyền vì lẽ được tự do lựa chọn mà bắt họ phải chịu đựng những gánh nặng bất công dù trực tiếp hay gián tiếp. Ngoài ra, quyền lợi của cha mẹ sẽ bị xâm phạm, nếu con cái họ bị cưỡng bách theo học những môn học không đáp ứng với niềm xác tín về tôn giáo của họ, hay bắt phải theo một lễ lối giáo dục duy nhất hoàn toàn loại bỏ việc giáo dục tôn giáo” (5).

2. Trách nhiệm của Nhà nước

Chính phủ phải bảo vệ các quyền và sự bình đẳng của tất cả công dân. Điều này nằm trong vai trò chính yếu của Nhà nước là phục vụ công ích và thăng tiến các quyền con người. Sẽ là một sai phạm và xâm hại đến tự do tôn giáo khi chính phủ cưỡng bách hay áp đặt việc tuyên xưng hay loại trừ bất kỳ tôn giáo nào.

“Nhiệm vụ thiết yếu của quyền bính dân sự là bảo vệ và phát huy những quyền lợi bất khả xâm phạm của con người. Do đó, quyền bính dân sự phải bảo vệ cách hữu hiệu quyền tự do tôn giáo của mọi công dân bằng những đạo luật chính đáng và những phương tiện thích hợp khác, phải tạo nên những điều kiện thuận lợi giúp phát triển đời sống tôn giáo. Nhờ đó, các công dân có thể thực sự hưởng dụng những quyền lợi và chu toàn những nhiệm vụ đối với tôn giáo, đồng thời xã hội sẽ được hưởng nhờ những lợi ích của công lý và hòa bình, phát sinh do lòng trung thành con người đối với Thiên Chúa và thánh ý Ngài.

Đối với những dân tộc, vì hoàn cảnh riêng, mà đặc biệt chỉ chấp nhận một cộng đoàn tôn giáo nào đó theo thể chế pháp lý của quốc gia, thì đồng thời cũng phải nhìn nhận và tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng đối với tất cả các công dân và cộng đoàn tôn giáo.

Sau hết, quyền bính dân sự phải lo liệu sao cho quyền được bình đẳng trên phương diện pháp lý của các công dân, là quyền liên quan đến công ích xã hội, không bao giờ bị xâm phạm dù cách công khai hay kín đáo vì những lý do tôn giáo, cũng như phải tránh mọi sự chia rẽ giữa các công dân.

Do đó, công quyền không được phép dùng bạo lực, đe dọa hay những phương tiện khác để bắt buộc người dân phải tuyên xưng hay chối bỏ một tôn giáo nào, hoặc

ngăn cản không cho họ gia nhập hay rời bỏ một cộng đoàn tôn giáo” (6).

3. Tự do tôn giáo và đức tin Kitô giáo

Tuyên ngôn nói tự do tôn giáo tuy có nền tảng trong phẩm giá con người, nhưng nguồn gốc sâu xa ở trong mạc khải của Thiên Chúa. Do đó, các Kitô hữu lại càng có lý do để tôn trọng tự do tôn giáo.

“Trung thành với chân lý Phúc Âm, Giáo Hội noi theo con đường của Chúa Kitô và của các Tông Đồ, khi nhìn nhận và bênh vực quan điểm tự do tôn giáo như một quan điểm phù hợp với phẩm giá con người và những gì Thiên Chúa đã mạc khải. Qua dòng thời gian, Giáo Hội vẫn duy trì và truyền dạy giáo thuyết đã nhận lãnh nơi Thầy Chí Thánh và các Tông Đồ. Mặc dầu đời sống của Dân Thiên Chúa, trải qua những cuộc thăng trầm của lịch sử nhân loại lữ thứ, một đôi khi cũng có những phương cách hành động ít thích hợp, hay hơn nữa trái với tinh thần Phúc Âm, tuy nhiên giáo lý Giáo Hội luôn dạy rằng không ai cưỡng ép phải tin” (12).

Giáo hội khẳng định về việc hành xử quyền tự do tôn giáo của mình: “Trong số những điều có liên quan đến lợi ích của Giáo Hội, và ngay cả đến lợi ích của xã hội trần thế, những điều cần phải được tôn trọng mọi nơi và mọi đời cũng như phải được bảo vệ khỏi mọi bất công, thì chắc chắn điều quan trọng nhất là Giáo Hội phải được toàn quyền tự do hành động tương xứng với việc đem ơn cứu rỗi cho mọi người” (13).

Kết luận

Là văn kiện duy nhất trong số 16 văn kiện Công đồng ngỏ lời với thế giới (15 văn kiện kia chỉ bàn về những vấn đề trong Hội Thánh) về một đề tài thế tục hết sức nóng bỏng cũng như rất được sự quan tâm các các giới tôn giáo, Tuyên ngôn xác quyết lập trường của Giáo hội là ủng hộ và bảo vệ tự do tôn giáo. Tuyên ngôn ra đời trong bối cảnh cuộc chiến tranh lạnh, giữa lúc những người theo chủ thuyết vô thần đang tìm cách loại bỏ tự do tôn giáo ra khỏi hành tinh này. Để đáp lại, các giám mục đã lên tiếng: “Công quyền sẽ đi ngược với ý định của Thiên Chúa và những quyền lợi thiêng liêng của cá nhân cũng như của gia đình các dân tộc, nếu dùng bạo lực dưới bất cứ hình thức nào để tiêu diệt hay cấm đoán một tôn giáo trong toàn thể nhân loại, trong một miền hay một nhóm người nào đó” (6).

Tuyên ngôn là văn kiện cuối cùng được ban hành, nhưng cũng là văn kiện gây tranh cãi nhiều nhất. Các nghị phụ đã biểu quyết với kết quả 2.308 phiếu thuận và 70 phiếu chống. Trong số 70 phiếu chống, có phiếu của Tổng giám mục Marcel-François Lefèbvre, nghị phụ tham gia cả bốn khóa Công đồng. ♦

Chúng ta không được bỏ qua hình thức đặc biệt của cái nghèo bao gồm việc bị tước đoạt các quyền căn bản của con người, cách riêng là quyền tự do tôn giáo và quyền tự do có sáng kiến kinh tế” (CA, 42).

Đức Gioan Phaolô II rất hay bàn về tự do. Trong lĩnh vực này, ngài cũng được mệnh danh là nhà quán quân. Tự do là chủ đề trung tâm của ngài từ khi còn là giáo sư luân lý tại Đại học Lublin và ngay cả khi đã làm giáo hoàng. Ở đây chúng ta giới hạn việc nghiên cứu, chỉ tìm hiểu xem ngài đã luận bàn thế nào về tự do kinh tế.

Đức Gioan Phaolô II bàn về tự do kinh tế.

Năm 1987, trong Thông điệp xã hội *Sollicitudo Rei Socialis* kỷ niệm 20 năm Thông điệp *Populorum Progressio*, ngài viết: “Chúng ta không được bỏ qua hình thức đặc biệt của cái nghèo bao gồm việc bị tước đoạt các quyền căn bản của con người, cách riêng là **quyền tự do tôn giáo** và **quyền tự do có sáng kiến kinh tế**” (42).

Đây là hai nhân quyền cơ bản mà ngài luôn kiên quyết bảo vệ, ủng hộ và đề cao. Khi còn là giám mục trẻ tham dự đủ bốn kỳ họp Công đồng Vatican II, ngài đã tích cực tham gia góp ý cho dự thảo *Tuyên ngôn về Tự do Tôn giáo* và nhiều lần khẳng định “Không có tự do nếu không có sự thật”. Nhà quán quân về tự do tôn giáo Gioan Phaolô II đã để lại một bộ giáo huấn phong phú về sự liên kết nội tại giữa tự do và sự thật, là chìa khóa mở ra giúp ta hiểu ý định sâu xa của Tuyên ngôn *Dignitatis Humanae*. Ngoài ra, ngài còn có đóng góp vào từ điển thần học thuật ngữ “quyền tự do có sáng kiến kinh tế”. Đây cũng là đóng góp và bổ sung của ngài vào từ vựng nhân quyền khi ngài ban hành Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* nói trên. Bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền của Liên hiệp quốc đã không đề cập đến quyền con người này.

Bốn năm sau, ngài viết tiếp một thông điệp xã hội *Centesimus Annus*, lần này để kỷ niệm 100 năm ngày ban hành Thông điệp *Rerum Novarum*. Ngài nhắc lại những điểm chính của thông điệp xã hội đầu tiên này: con người phải được tôn trọng vì con

người là hình ảnh của Thiên Chúa và được Người ban sự sống. Ngài nhận định việc bỏ qua sự kiện này đã dẫn đến cảnh đối xử tàn bạo với người lao động vào thời Đức Lêô XIII, rồi hai cuộc thế chiến, lò hơi ngạt, các chế độ độc tài tại phương Đông, hồ ngăn cách giàu nghèo. Chủ nghĩa cộng sản vô thần đã giải thể vì không tôn trọng phẩm giá và các quyền đi kèm với phẩm giá ấy của con người. Con người được ban tặng tự do, nhưng do vết thương nguyên tội nên dù có hướng thiện nhưng vẫn còn có khả năng làm điều ác:

“Hơn nữa, con người, được tạo dựng để hưởng tự do, mang nơi bản thân mình vết thương nguyên tội, thường xuyên lôi kéo con người hướng về điều ác, vì thế con người cần đến ơn cứu độ. Không những *giáo thuyết này là một bộ phận hợp thành của mạc khải Kitô giáo*, mà còn có giá trị thông diễn (hermeneutical value) lớn lao giúp ta hiểu được thực tại con người. Con người hướng đến điều thiện, nhưng cũng có thể làm điều ác. Con người có thể vượt lên trên lợi lộc trước mắt, mà vẫn gắn bó với nó” (42).

Ngài cảnh báo sự đàn áp quyền tư hữu sẽ “làm cạn kiệt nguồn sáng kiến và sáng tạo” (trong đó có sáng kiến kinh tế) và xuất hiện nguy cơ biến chính trị trở thành một thứ “tôn giáo thế tục”:

“Trật tự xã hội càng được ổn định, thì càng lưu ý đến sự kiện này, và không đặt quyền lợi cá nhân đối nghịch với quyền lợi của xã hội xét như một tổng thể, nhưng đúng hơn, tìm cách hòa hợp với quyền lợi xã hội một cách hiệu quả. Thật vậy, nơi đâu quyền lợi cá nhân bị xã hội tước đoạt, thì thay vào đó là một chế độ công kenn nắm quyền kiểm soát một cách quan liêu, làm cạn kiệt nguồn sáng kiến và sáng tạo. Khi người ta nghĩ rằng mình nắm được bí quyết tổ chức một xã hội hoàn hảo không còn điều ác thì họ cũng tưởng là có thể sử dụng mọi phương tiện, kể cả bạo lực và lừa dối, để thực hiện tổ chức đó. Khi ấy chính trị trở thành một thứ “tôn giáo thế tục”, có tham vọng xây dựng thiên đàng ngay ở trần gian này. Nhưng không có một xã hội chính trị nào có quyền tự quyết và pháp luật của xã

Giáo huấn Xã hội & quyền tự do có sáng kiến kinh tế



◆ Đan Quang Tâm

hội đó có thể lẫn lộn với Vương Quốc của Thiên Chúa” (25).

Đức Gioan Phaolô ủng hộ có điều kiện nền kinh tế thị trường được xây dựng trên tự do, khuyến khích phát huy tự do có sáng kiến trong kinh tế, chủ trương quyền lợi cá nhân hài hòa với quyền lợi xã hội.

“Theo chiều hướng này, người ta có lý để nói về một cuộc đấu tranh chống lại một hệ thống kinh tế, được hiểu là một phương pháp để đảm bảo ưu thế tuyệt đối của tư bản, việc chiếm hữu các tư liệu sản xuất và đất đai, hơn là tự do và phẩm giá lao động của con người. Khi chiến đấu chống lại hệ thống này, người ta không thể đề ra đối nghịch nó, như một kiểu mẫu thay thế, hệ thống chủ nghĩa xã hội, vì hệ thống này thực

ra cũng là một thứ chủ nghĩa tư bản Nhà nước, nhưng người ta có thể đề ra đối nghịch nó với xã hội của tự do lao động, kinh doanh và được tham dự. Xã hội này không đối nghịch với thị trường, nhưng đòi hỏi thị trường phải được kiểm soát một cách hợp lý bởi những sức mạnh xã hội và bởi Nhà nước, sao cho bảo đảm được sự thỏa mãn các nhu cầu căn bản của toàn xã hội” (CA, 35).

Ngài nói hai nhân tố quyết định cho sự sụp đổ của các chế độ áp bức là “sự vi phạm đối với quyền của các công nhân” và “sự vi phạm các quyền con người có sáng kiến riêng, được sở hữu tài sản và tự do trong lĩnh vực kinh tế” (CA, 23, 24).

Tóm lại, Đức Gioan Phaolô II xem tự do kinh tế là nền tảng của kinh tế doanh nghiệp hiện đại (SRS, 32). Ngài tái khẳng định Giáo hội quyết tâm dẫn thân cho tự do, xem đó như một điều kiện cần thiết để bảo đảm “phẩm giá siêu việt của con người” (CA, 46). Tuy nhiên, ngài nhận rằng tự do trong kinh tế không tuyệt đối, đó chỉ là một nhân tố trong tự do của con người. Khi đời sống kinh tế trở nên tuyệt đối hóa, nghĩa là khi con người được xem là người sản xuất hoặc tiêu thụ hàng hóa hơn là một chủ thể sản xuất và tiêu thụ để sống, thì tự do mất đi tương quan cần thiết của nó đối với nhân vị và rút cục tha hóa và áp bức con người (CA, 39).

Quyền tự do có sáng kiến kinh tế
Sách *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội* (sách TLHTXH) mô tả hoạt động kinh tế “như một lời đáp lại với tấm lòng tri ân ơn gọi mà Thiên Chúa chia ra cho mỗi người” (326). Điều này giúp xua tan khái niệm sai lầm là các ơn gọi “chân chính” chỉ được tìm thấy trong giáo dục, y tế, hoạt động bác ái hoặc ở hẳn bên trong Giáo hội. Doanh nhân Công giáo nếu giang tay đón nhận ơn gọi “đặt hoạt động kinh tế và sự tăng trưởng vật chất phục vụ con người và xã hội”, để rồi “xả thân làm các việc ấy với lòng tin, cậy, mến của các môn đệ Đức Kitô” thì doanh nghiệp và môi trường kinh tế “cũng có thể biến thành những địa điểm cứu độ và thánh hóa” (326).

Sách TLHTXH nhấn mạnh: “*Học thuyết*

xã hội của Giáo Hội coi tự do của con người trong các vấn đề kinh tế là một giá trị căn bản và là một quyền bất khả chuyển nhượng cần phát huy và bảo vệ”. Sách khẳng định và kêu gọi: “Mọi người có quyền có sáng kiến về kinh tế, mọi người nên sử dụng hợp pháp các tài năng của mình, để góp phần làm ra nhiều của cải cho mọi người được hưởng, và để thu lượm những hoa trái chính đáng do các nỗ lực của mình” (336). Điều này xây dựng trên những phát biểu tương tự trong các giáo huấn của đức Giáo hoàng Piô XII cũng như những câu phát biểu trong thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (1988) và *Centesimus Annus* (1991).

Nhưng sách TLHTXH cũng nói thêm rằng giáo huấn này nhắc ta về “các hậu quả tiêu cực có thể phát sinh do việc làm suy yếu hay chối bỏ quyền có sáng kiến về kinh tế” và bảo ta “sáng kiến tự do và có trách nhiệm trong lĩnh vực kinh tế cũng có thể được định nghĩa là một hành vi phản ánh nhân tính của con người với tư cách là những chủ thể sáng tạo và có tương quan. Thế nên, cần trao cho quyền có sáng kiến đó không gian hoạt động rộng lớn. Nhà Nước có nghĩa vụ luân lý áp dụng những giới hạn nghiêm ngặt chỉ trong những trường hợp không tương thích giữa việc theo đuổi công ích và loại hình hoạt động kinh tế được đề xuất hoặc phương thức tiến hành hoạt động kinh tế đó” (336).

Đáng lưu ý, sách TLHTXH áp dụng những chủ đề này trực tiếp đối với chủ doanh nghiệp và những người quản lý doanh nghiệp. “Sáng kiến kinh tế là một thuật ngữ về trí thông minh con người và về sự cần thiết phải đáp ứng các nhu cầu của con người một cách sáng tạo và hợp tác” (343).

Trên cơ sở này, sách TLHTXH mô tả tinh thần doanh nghiệp không chỉ là một “đức tính cá nhân” mà còn là một “đức tính xã hội” bởi vì có tinh thần doanh nghiệp nghĩa là “cùng nhau tìm kiếm những giải pháp thích đáng nhất để đáp ứng tốt nhất các nhu cầu nảy sinh” (343). Sách TLHTXH nhận định rằng “Vai trò của các chủ doanh nghiệp và lãnh đạo doanh nghiệp có tầm quan trọng trung tâm nhìn từ quan điểm xã hội, vì họ ở ngay

tại trung tâm của cả một hệ thống các quan hệ kỹ thuật, thương mại, tài chính và văn hoá là đặc trưng cho thực tại doanh nghiệp hiện đại” (344).

Doanh nhân, như vậy có một vai trò quan trọng, chính yếu trong đời sống kinh tế và có cả một ơn gọi hẳn hoi. Họ cũng được gọi để làm vườn nho của Thiên Chúa. Thiên Chúa thì luôn luôn có sáng kiến đi trước một bước. Chúa Giêsu không những gọi, mà còn chọn họ: “Không phải các con đã chọn Thầy mà Thầy đã chọn các con trước”.

Hội đồng Giáo hoàng Công Lý và Hòa bình không những biên soạn sách TLHTXH để hướng dẫn doanh nhân qua những nguyên tắc và những định hướng như đã nói trên mà còn tìm cách soạn cẩm nang doanh nghiệp giúp các doanh nhân Công giáo sống đạo trong môi trường doanh nghiệp theo tinh thần của Hiến chế *Vui mừng và Hy vọng* khắc phục được tình trạng phân rẽ giữa đạo và đời (GS, 13) và làm các quyết định kinh doanh theo đúng các nguyên tắc của giáo huấn xã hội.

Trong đường hướng đó, Hội đồng Giáo hoàng Công Lý và Hòa bình đã phối hợp với John A. Ryan Institute for Catholic Social Thought, một viện nghiên cứu và phổ biến Giáo huấn Xã hội thuộc Đại học St. Thomas Hoa Kỳ để biên soạn tài liệu “Ơn gọi Lãnh đạo Doanh nghiệp” (*Vocation of the Business Leader*) và tổ chức một hội nghị quy tụ khoảng 2.000 chủ doanh nghiệp vào tháng 3 năm 2012 tại Lyon, Pháp để phổ biến và thảo luận tài liệu này. Và trong năm 2014 được dành riêng cho việc đào sâu sứ vụ Tân Phúc âm hóa, một hội nghị về “Ơn gọi Lãnh đạo Doanh nghiệp về Tân Phúc âm hóa” (*Vocation of the Business Leader on New Evangelization*) sẽ được tổ chức tại Bangkok từ ngày 20-22 tháng 3 cho các doanh nhân và chủ doanh nghiệp Công giáo châu Á do đức Hồng y Peter Turkson, Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng Công Lý và Hòa bình khai mạc và chủ tọa.

Không còn nghi ngờ gì nữa, nói theo ngôn ngữ tiếng Anh, được xem là ngôn ngữ thương mại và kinh doanh, thì “The Church takes business seriously”.◆



Tự do của bạn, tự do của tôi

Vợ chồng em cưới nhau cũng lâu rồi mà sao không sinh con đi? - Có con cái vương bận lắm chị ơi, tụi em muốn được tự do tận hưởng hạnh phúc đã, “kế hoạch” rồi vài năm nữa có con cũng chưa muộn mà chị”.

...“Chị thấy biện pháp ‘sàng lọc thai nhi trước khi sinh’ của nhà nước cũng đúng đó chứ. Thử hỏi nếu em có một đứa con khuyết tật em sẽ khốn đốn thế nào. Một đứa trẻ khuyết tật là gánh nặng cho gia đình và cả xã hội. Mình nên tự chủ trong chuyện này”.

...“Sao con cứ bỏ nhà đi hoài thế? - Ở trong Làng gò bó quá, đi chơi internet một chút thôi mà về mẹ cũng la. Con muốn được đi tự do giống như mấy bạn kia”.

...“Ai nói là nước Mỹ tự do chứ anh thì không nghĩ vậy, làm gì cũng bị luật cưỡng chế: xây nhà không được quyền thiết kế theo ý mình, ra đường vút một tí rác thôi mà cũng bị cảnh sát phạt, nói lớn tiếng cũng bị cảnh sát nhắc nhở,... cứ sống như Việt Nam mình mà lại hóa hay, được tự do làm nhiều thứ mình muốn”.

Đây là những mẫu đối thoại tôi gặp phải trong tương quan thường ngày. Nó ít nhiều làm tôi lúng túng, băn khoăn khi phải phân định rạch ròi đúng sai. Hôm nay ngồi ngẫm nghĩ sự đời và tôi đã thấy hệ quả:

- Một Việt Nam với bộ phận không nhỏ giới trẻ chỉ biết hưởng thụ, thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội.

- Một Việt Nam với con số nhất nhì thế giới về tỷ lệ phá thai và từ đó xuất hiện những nghĩa trang thai nhi bạt ngàn ngời mộ trắng.
- Một Việt Nam với những ngôi nhà có đủ thứ kiến trúc lai căng, lộn xộn, tạm bợ.
- Một Việt Nam với rất nhiều thứ luật lệ được thay đổi, bổ sung thường xuyên nhưng đa số người dân mù mờ về luật và nhiều thứ không được xử bằng luật.
-

Viết đến đây tôi chợt nghĩ về cánh diều trong tuổi thơ tôi. Cứ mùa hè tới, bọn trẻ con chúng tôi lại rủ nhau tới bãi đất trống bên cạnh nhà thờ chơi trò thả diều. Giữa không gian bao la của đất trời trong buổi chiều tà, cánh diều no gió được thả sức chao liệng, làm cho đám trẻ chúng tôi lấy làm thích thú lắm. Nhưng mà thật lạ, cánh diều chỉ có thể bay cao, bay xa khi nó được gắn với sợi dây và có người điều khiển tài ba ở dưới đất. Sợi dây đứt, diều chao đảo một lúc rồi sa sầm và mắc kẹt trên bụi cây gần bờ ao. Đám trẻ chúng tôi bu lại và phải mất hồi lâu mới gỡ được diều, đưa nó về nơi xuất phát, gắn lại dây và tiếp tục cuộc chơi.

◆ Cát Minh

Và đến bây giờ khi tôi đã lớn, cánh diều tuổi thơ cùng với lời dạy của Giáo Hội cho tôi một bài học vô cùng thâm sâu về ý nghĩa của tự do. Nó thật khác với thứ tự do mà mọi người quanh tôi đang hướng tới. Cũng như cánh diều, tự do của tôi trở nên có giá trị thực hơn khi nó gắn với “*một khung pháp lý vững chắc, nghĩa là trong giới hạn do ích chung và trật tự xã hội đặt ra, nhưng dù trong bất cứ trường hợp nào cũng phải thực hiện theo phương cách để cao tinh thần trách nhiệm*”... và, “*phải bày tỏ sự tự do như một khả năng biết khước từ điều tiêu cực về mặt luân lý, dù nguy trang dưới chiêu bài nào*” (TLHTXH, 156, 200).

Trong giờ phút tĩnh lặng cuối ngày tôi thầm thì lời cầu xin Chúa: Lạy Chúa, Chúa trao cho chúng con tự do, nhưng con nhận ra rằng tự do của chúng con chỉ có giá trị khi có người điều khiển tài ba là chính Chúa. Rời xa Chúa, tâm hồn chúng con chao đảo và không còn sinh khí để tiếp tục bước đi. Xin được nương tựa nơi Ngài từ nay cho đến mãi về sau. ◆



Nó...

◆ Mẫu Bút Chì

Nó lớn lên đơn sơ như bông cúc dại. Mọi thứ trôi vào đời nó cứ tự nhiên như vốn dĩ phải thế - kể cả cái nghèo xác xơ, hay cái bản ngã yếu đuối của con người.

Nghĩ cũng lạ, lúc bé thơ chẳng biết gì, thế nhưng người ta luôn muốn làm ngược lại ý muốn của người lớn: Nếu người mẹ muốn giữ đứa bé nằm yên trong chiếu, chắc chắn nó sẽ cố tìm cách bò ra ngoài; khóa cửa trước giữ nó trong nhà, nó sẽ luồn cửa sau chạy ra ngõ... Dường như có một "sức hút" mãnh liệt từ những thứ ngoài tầm tay của con người, và ý chí muốn thoát ra khỏi vòng kiểm tỏa như một phản xạ tự nhiên.

Lúc nhỏ nó vẫn nghĩ rằng làm trẻ con thật mất tự do, phải làm cái này, không được làm cái kia. Nhất nhất mọi việc phải theo ý muốn của người lớn. Làng quê nó thời ấy nghèo lắm, làm gì có ti vi trong nhà để giải trí. Thỉnh thoảng ở sân bãi mới chiếu một bộ phim trắng đen để mọi người đến xem. Thế là trong làng y như có hội! Hiếm lắm mới có một bộ phim màu. Chẳng cần biết phim gì, của ai, miễn là "phim màu chiến đấu" thì kể như trẻ con cả làng không thể ngồi yên.

Nó cũng háo hức chẳng học hành gì được. Thế nhưng ba nó "phán một lời" thì anh em nó phải ở nhà hết! Có khi nó liêu lĩnh trốn đi xem vì phim hay quá, chịu trận đòn cũng đáng! Nhưng lắm lúc nó tức anh ách vì phải bị đòn mà chỉ xem được cái loại "phim màu lợt lợt, chiến đấu sơ sơ"! Lúc đó, nó chỉ ước sao lớn thật nhanh.

Trong nhận thức non nớt của mình, nó nghĩ người lớn muốn làm gì cũng được. Từ đó, trong lòng nó ấp ủ "giấc mơ giải phóng". Với nó thuở ấy, tự do là được làm theo những gì mình muốn. Đơn giản vậy thôi! Ở đời người ta thường đứng núi này trông núi nọ. Lúc bé nó ước được làm người lớn, khi lớn rồi mới hay cuộc đời không như nó tưởng. Nếu như lúc bé nó chỉ chịu sự ràng buộc và điều khiển bởi cha mẹ, người thân - là những người luôn thương yêu và muốn nó nên người - thì khi lớn lên, nó lại bị ràng buộc và điều khiển bởi những thứ "lạnh như tiền".

Nó đi tìm bầu trời, nhưng hình như đường đời (hay chính cái bản ngã yếu đuối của nó) chỉ dẫn đưa nó vào những chiếc túi. Khó hiểu quá, nó hiểu không tới. Rõ ràng chẳng có gì sai khi nó muốn tìm kiếm một cuộc sống

đầy đủ, sung túc hơn. Cũng không có gì đáng trách khi nó muốn ăn ngon, mặc đẹp, chạy xe xịn.

Nhưng tự trong lương tâm, hình như nó thấy có cái gì đó chưa đủ. Nó mơ hồ tự hỏi: "Liệu chỉ có những thứ làm thỏa mãn, đã đầy thân xác này, có làm cho nó trở nên NGƯỜI hơn chăng? Hơn nữa, NGƯỜI còn là hình ảnh của Thiên Chúa - chứ không "người" theo ngôn ngữ hài hước của "hội thui rơm" rằng: "Sống trên đời (làm người) ăn miếng dồi chó, chết xuống âm phủ biết có hay không?" Hoặc "người" theo kiểu nó vẫn thường nghe người đời ao ước: "Sống đời này sắm được nhà lầu xe hơi thì có chết cũng mãn nguyện kiếp người".

Nó suy tư dūr dội hơn: Vượt thắng những trở lực để đạt được những thứ mình khao khát có phải là chạm được đến tự do, đã THÀNH NGƯỜI? Và nếu là thế thì hình như thứ tự do đó cũng phụ thuộc vào cách người ta nhìn đời, phụ thuộc vào cái nghĩa làm "người" mà mỗi người muốn trở nên. Đó là một kiểu tự do dễ đổi thay, dễ tan vỡ theo cảm tính con người.

Nó vẫn chưa tìm thấy ý nghĩa trọn vẹn của một con người có tự do! Nó vẫn thường nghe người ta nói "đấu tranh cho tự do" để con người được sống xứng với nhân phẩm của mình: tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do đi lại v.v... Tự do là một phần của nhân quyền. Những điều này rõ ràng là chính đáng và cần thiết. Đó là những mảng của tự do. Nhưng hình như những thứ đó vẫn chưa đủ, chưa diễn tả hết được những chiều kích của tự do.

Giả tưởng có một cấu trúc xã hội tiến bộ, nơi đó con người có thể có được tất cả những quyền tự do chính đáng, có điều kiện để phát triển về mọi mặt của đời sống xã hội, thì liệu rằng nơi thẳm sâu trong lương tâm và linh hồn, con người có được bình an tự tại? Con người có nhờ vào đời sống xã hội ấy mà được giải thoát khỏi sự ràng buộc của tham - sân - si, của ích kỷ, của sự nặng nề thuộc tính xác thịt để có được một sự tự do tròn đầy, viên mãn? ►

Sau khi xem xong phim “Nô tì Isaura”, từng chiếu trên TV ba mươi năm về trước, bây giờ, tôi tưởng “nô lệ” đã biến mất khỏi thế giới này!

Nô lệ là những người thuộc quyền sở hữu của người khác, và được xem như món hàng để trao đổi. Ngày nay, nô lệ vẫn còn, biến thể dưới nhiều hình thức khác, len lỏi vào cuộc sống của nhân quần xã hội.

Khi quyền con người bị tước đoạt, bị kiểm soát, bị khai thác, bị cưỡng ép... còn hơn thế nữa, chính mình lại tự dẫn thân để trở thành nô lệ mới. Nô lệ cho chính hành vi của mình: chối bỏ mình là một thụ tạo của Đấng Tạo Hóa, để theo đuổi và phục vụ cho sự tham lam, thèm khát của cải, tiền tài, danh vọng.

Cũng vì muốn được an thân, tôi chỉ chú tâm vào “sự nghiệp” riêng, làm ngơ trước những đau khổ, bất công của những con người xung quanh. Tôi đã thật sự là một nô lệ cho một vật chất thối rữa, hư mất: nô lệ của tội lỗi.

Tạ ơn Chúa đã cho con thấy rằng chính con đang sống



trong ách nô lệ mà con tự mang vào. Con đường con đi trong xã hội ngày nay dẫn con từ sai lầm này đến sai lầm khác. Con vì yêu mình quá độ nên tự đánh mất khát vọng tìm kiếm Chúa và quên đi Chúa đã dựng nên con giống hình ảnh Thiên Chúa, có linh hồn và thể xác, có lý trí và ý chí, có khả năng lựa chọn giữa điều tốt và điều xấu. Con phải chịu trách nhiệm về các hành vi của mình vì con có phẩm giá của một ngôi vị.

“Chúa kết án tội nhưng không kết án tội nhân” (Thánh Augustinô). Tội con nhiều nhưng con tin chắc Thiên Chúa thứ tha. Chính nhờ thập giá vinh quang của Đức Giêsu Kitô hòa giải chúng con với Thiên Chúa và với nhau, giải thoát chúng con khỏi ách nô lệ của tội lỗi và cứu độ chúng con, ban cho chúng con trở thành con cái Chúa.

Lạy Chúa! Xin Chúa thêm sức, gìn giữ chúng con để chúng con biết dẫn thân chống lại bất cứ hình thức nô lệ nào, trong mọi lãnh vực của xã hội ngày nay và luôn biết liên đới, phục vụ, bảo vệ những quyền căn bản của con người, tôn trọng sự thật toàn vẹn về con người trong tình yêu thương. A-men ♦

► Nếu điểm xuất phát của đời người là thế gian và cũng kết thúc ở thế gian này, thì tất cả chỉ là phù hoa và ngô cứt tối tăm: Chỉ toàn lo âu, đau khổ, vật lộn để dành được những thứ dễ hư nát. Nếu có được giàu sang, sung sướng, cũng không ai thoát được hành trình sinh - bệnh - lão - tử, sinh ra trong tiếng khóc của chính mình và chết đi trong tiếng khóc của người thân.

Tự do ở đâu? Ai có thể giải thoát nó ra khỏi sự ràng buộc ấy? Ai có thể tách được nó ra khỏi những khôn ngoan duy lý, những toan tính đo lường dựa trên tài năng và sức lực - vốn là những cái nay còn mai mất - rồi gắn niềm vui và hạnh phúc đời mình vào đó, phập phồng lo âu? Ai có thể cho nó cái tự do thẳm sâu trong tâm hồn, vượt lên tất cả các chiều kích vật chất thường

tình của con người? Còn ai làm được điều đó ngoài Đấng đã tác tạo nên nó, có quyền năng trên linh hồn và thể xác nó, và chờ đón nó nơi cõi vĩnh hằng?

Đấng ấy là Đức Giêsu Kitô. Ngài đã đến thế gian làm NGƯỜI và đã chết để muôn người được sống, trong đó có nó.

Nó phải sống phó thác vào Đấng ấy: Tự do của nó là nương theo ý Ngài. Có anh bạn nhìn nó ái ngại. Rằng nó nên hòa mình vào xã hội, xây dựng xã hội bằng ngôn ngữ và chuẩn mực chung của mọi người. Đâu phải ai cũng thờ Chúa như nó! Nó thấy hổ thẹn trong lòng: Giá mà lúc nào nó cũng yêu Chúa được như nó nói, như bề ngoài người ta thấy về nó! Phải, nó phải hòa mình vào xã hội, nhưng

không vì thế mà phải che giấu Thiên Chúa, Đấng đã cứu độ cuộc đời nó. Chân nó phải chạm đất, phải bám rễ vào xã hội và làm cho xã hội ấy phát triển, nhưng nó không thể quên rằng mắt nó phải hướng về trời cao, nếu không, Thiên Chúa chết cho nó là vô nghĩa và vô ích! Nó phải “mở” nó ra cho người ta thấy Chúa, thấy lòng thương xót vô bờ Người đã đổ xuống đời nó.

Ước chi mỗi ngày trong đời này, nó đều có thể phô bày được một chút ánh sáng lung linh mà Chúa đã thương nhen nhóm trong nó! Chút ánh sáng ấy chính là thứ tự do trong vất, thoát khỏi những âu lo của đời sống trần tục nhờ vào lòng tín thác - đức tin. Ánh Sáng ấy không phải từ nó, mà phát xuất từ Đấng ngự trong nó! ♦

Không có gì quí hơn độc lập tự do

◆ Tín Thành

Người Việt Nam hầu như quen thuộc với một câu nói được cho là lời kêu gọi của ông Hồ Chí Minh vào năm 1966: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Lời ấy đã từng là nguồn động viên to lớn, có sức rung động hàng triệu con tim, đã khiến cho bao lớp người hiến dâng tuổi trẻ, sức lực, máu xương và cả mạng sống để quyết giành cho bằng được cái sự độc lập tự do. Thế mới biết độc lập tự do quý giá và quan trọng với con người biết bao, nó được đánh đổi bằng cả mạng sống.

Nhưng tự do như thế nào mới thực sự quý giá?

Mất tự do, người ta không thể sống cho ra người, đó là mất mát lớn nhất. Bởi Tạo Hóa đã ban cho con người duy nhất có trí khôn. Nhờ trí khôn biết phân biệt được phải trái, mà kèm theo đó có tự do. Ông Hồ cũng khẳng định rằng:

*Trên đời ngàn vạn điều cay đắng,
Cay đắng chi bằng mất tự do.
Mỗi việc mỗi lời không tự chủ,
Để cho -người dắt tựa trâu bò.*

(Hồ Chí Minh - Nhật ký trong tù)

Rõ ràng ông Hồ cho rằng tự do không chỉ có nghĩa là việc không bị giam cầm, mà phải tự do trong lời nói và việc làm. Nói và làm theo tự do lương tâm nghề nghiệp, chứ không thể bị chỉ đạo, định hướng bởi mưu đồ của ai. Người Nhật có câu phương châm sống: “*Tự chủ già tồn*”, người ta sống mà không được tự chủ thì đã đánh mất mình, coi như không tồn tại.

Tự do là sở hữu bất khả xâm phạm chỉ có nơi con người

Giáo huấn xã hội Công Giáo xác định rõ, con người là hữu thể có tự do. Tự do của con người vô cùng cao quý, và không ai có quyền tước đoạt. Vì nó xuất phát từ Thiên Chúa. Thiên Chúa đã ban cho con người có tự do. Và chính Ngài cũng còn tôn trọng cái tự do ấy, thì phương chi là con người chúng ta. Xâm phạm tự do của người khác là xúc phạm đến Thiên Chúa.

Con người là thụ tạo duy nhất có trí khôn, cho nên chỉ con người mới có tự do. Con người dùng trí khôn của mình để xem xét, phân định và phán đoán trước khi nói và hành động. Như thế, việc nói và làm như thế nào, con người có tự do để chọn lựa.

Tự do của con cái Chúa

Tuy nhiên, vốn là thụ tạo tốt đẹp nhưng chưa hoàn hảo, cho nên con người thường bị những giới hạn của bản thân và cám dỗ của ác thần khiến họ nhiều khi dùng tự do của mình mà chọn lựa điều xấu. Dẫn đến chính những điều xấu mà con người chọn đã làm họ mất tự do. Người ta chỉ có tự do thực sự khi biết đón nhận sự thật, điều tốt đẹp và sự công chính (Chân-Thiện-Mỹ), “*Sự thật sẽ giải phóng anh em*” (Ga 8,32). Đó là sự tự do của con cái Chúa.

Thiên Chúa ban cho con người tự do rất lớn, nhưng không phải là vô hạn. Sách Sáng thế ghi nhận lệnh truyền của Thiên Chúa cho con người ‘được ăn bất cứ trái cây nào trong vườn’, trừ một ‘cây biết lành biết dữ’. Việc giới hạn này cũng là để con người không sử dụng tự do của một mình cách sai trái mà đánh mất tự do đích thật. Tự do chỉ thật sự quý trọng khi con người biết dùng nó để chọn điều tốt đẹp theo ý của Thiên Chúa, ngõ hầu mang lại sự an lành cho bản thân, cho người khác và cho môi trường sống.

Độc lập tự do là điều quý, không ai phủ nhận. Nhưng nó không phải khẩu hiệu để hô suông. Con người phải thật sự trân trọng và nhìn nhận nó là quà tặng cao quý đến từ Tạo Hóa. Tuyệt đối không được xâm phạm và tước đoạt tự do của nhau. Đồng thời, mỗi người phải biết dùng tự do của mình theo ý hướng ngay lành, để kiến tạo hạnh phúc cho bản thân và cộng đồng xã hội ◆

Trong bài báo có tựa đề “Trẻ ảm ức vì lịch học 18 giờ mỗi ngày”, trên VNExpress, bản ngày thứ năm 26/9/2013, ta đọc thấy các thông tin và nhận định sau:

“Theo một số giáo viên lớn tuổi đã nghỉ hưu tại TP HCM, thật ra chương trình học không căng thẳng và nặng nề đến mức độ các em phải học như vậy. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân: bệnh thành tích, cách thi cử, cách nhìn nhận về một học sinh giỏi của bố mẹ, thầy cô... đã vô tình tạo nên ở các em sức ép kinh khủng, để rồi các em phải căng hết sức mình ra để học”.

Kết quả, theo thạc sĩ giáo dục Phạm Phúc Thịnh: *“Với cách dạy và học hiện nay trong trường, người lớn đang vô tình biến việc học từ “một niềm vui” trở thành “một gánh nặng” cho trẻ. Và: Với cách dạy nhồi nhét hiện nay, vô tình chúng ta đang tạo ra một thế hệ robot chỉ biết thu nhận và lặp lại những gì đã tiếp thu, làm mất đi sự sáng tạo, sự chủ động trong học tập của các em”.*

Việc học lẽ ra là một niềm vui lại bị biến thành gánh nặng. Quá trình giáo dục lẽ ra hình thành một con người sáng tạo, chủ động thì kết quả thu được lại là... robot.

Đó là cái nhìn dưới góc độ tâm lý - giáo dục, nếu soi chiếu sự việc trên bằng giáo huấn của Hội thánh Công giáo ta sẽ thấy thêm những điều gì?

Đoạn số 135, sách Tóm lược Học Thuyết Xã Hội Công Giáo khẳng định: *“Con người có lý khi trân trọng tự do và say mê theo đuổi nó: cũng có lý khi ao ước và khi phải tổ chức cũng như hướng dẫn đời sống cá nhân và xã hội của mình theo sáng kiến riêng, đồng thời dám chịu trách nhiệm về việc đó”.* Giáo huấn nói đến “con người”, không nói rằng điều trên chỉ đúng với người lớn.

GIÁO DỤC-TỰ DO VÀ TÌNH YÊU

◆ Cát Nguyên

Khi cha mẹ, thầy cô tạo áp lực nặng nề, buộc trẻ sống ngày này qua tháng nọ, lớn dần lên trong một khuôn khổ cứng nhắc, đơn điệu, chỉ nhắm vào một hướng duy nhất tích lũy kiến thức, như tình trạng hiện nay tại Việt Nam, là cha mẹ, thầy cô đã bóp nghẹt ao ước tự do của trẻ, cướp mất cơ hội để trẻ thực hiện sáng kiến riêng, và - rất quan trọng - đã cướp mất cơ hội để trẻ tập chịu trách nhiệm trên chính cuộc đời của trẻ.



Không lạ gì khi có những học sinh đến phòng tham vấn nói rằng: *“Học là học cho cha mẹ”.* Nên em hành xử với nó như một điều gì đó chẳng liên quan đến em, em không cảm thấy mình có trách nhiệm với nó. Có em căng thẳng: *“Em rất khó chịu những lúc cha mẹ em tỏ vẻ hãnh diện giới thiệu thành tích của em với khách. Em phải cày ngày cày đêm để có thành tích học tập cho HỌ khoe với họ hàng, với bạn bè của HỌ”.*

Không lạ gì khi có những học sinh đến phòng tham vấn, tham vấn viên cảm nhận rất rõ sự vô cảm, vô trách nhiệm của em trong mối tương quan với cha mẹ, bất chấp những chăm chút về tình cảm, những chăm chút

vật chất cha mẹ đã từng cho em. Đơn giản vì đối với em cha mẹ đã “cướp” đi điều quý giá của em là sự tự do.

Cha mẹ, thầy cô vừa áp chế, tước mất hoàn toàn cơ hội tập chịu trách nhiệm của trẻ vừa than phiền, trách móc sao trẻ sống vô trách nhiệm.

Mở rộng ra xã hội, khi cơ chế xã hội khống chế con người, tước đoạt những quyền tự do mà con người có được do chính Thiên Chúa - Đấng Tạo Dựng - ban cho mỗi người, thì cơ chế xã hội cũng đang vận động một guồng máy triệt tiêu khả năng sáng tạo, khả năng nhận thức và thực hành việc chịu trách nhiệm của con người.

Người ta chỉ có thể cảm thấy mình phải chịu trách nhiệm, phải có trách nhiệm khi chính họ được tự quyết định chọn lựa làm hay không làm.

Phải chăng tại nơi nào cơ chế xã hội phủ nhận quyền tự do của con người, thì đa phần người lớn (các bậc cha mẹ, thầy cô) sẽ không có cơ hội cảm nghiệm được sự trưởng thành, niềm hạnh phúc nhờ sự tự do và ý thức lãnh nhận trách nhiệm cá nhân đối với xã hội đem đến? Từ đó, họ không hiểu, không biết cách và không đủ tự tin để có thể chấp nhận cho con cái, cho học trò mình hưởng phần tự do lẽ ra trẻ phải được hưởng?

Sách Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo khẳng định: *“Con người hiện hữu như một hữu thể độc đáo và không thể sao chép, con người hiện hữu như một cái “tôi” có khả năng hiểu mình, làm chủ mình và tự quyết về mình...”* (số 131).

(Còn tiếp kỳ sau)

Tối ngày 31.10.2013, ca sĩ Đàm Vĩnh Hưng, lại thêm một lần nữa, làm dư luận bức xúc khi nhìn anh mặc áo blouse trắng với bảng tên “Bác sĩ Cát Tường” tại buổi tiệc Halloween tưng bừng của sao Việt. Dư luận cho việc hóa trang của ca sĩ này là sự đùa cợt trên nỗi đau của gia đình và toàn xã hội đang quan tâm đến việc tìm xác nạn nhân của vụ án chết người do Bác sĩ Cát Tường gây ra mới đây. Chiều ngày 6.11, Cục Nghệ thuật biểu diễn đã có văn thư gửi ca sĩ Đàm Vĩnh Hưng yêu cầu rút kinh nghiệm trước những hành động, phát ngôn gây bức xúc trong dư luận thời gian qua. Văn thư “Hóa tóc” gửi ông Huỳnh Minh Hưng (ca sĩ Đàm Vĩnh Hưng), sau khi nhắc lại một số sự việc gần đây như: “Hôn môi nhà sư trên sân khấu biểu diễn; tạo dáng chụp ảnh trước hàng ngàn người dân đang xếp hàng nhiều giờ vào viếng thi hài Đại tướng Võ Nguyên Giáp; phát ngôn thiếu tôn trọng, thiếu chuẩn mực đối với thể hệ nghệ sĩ đi trước”. Cục Nghệ thuật biểu diễn, cuối văn thư đã yêu cầu: “Ông Huỳnh Minh Hưng tự điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với truyền thống văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc và quy định của pháp luật.”

TỰ DO LÀ... *muốn làm gì thì làm ?!*

◆ Đinh Vương

Điều gì làm cho Đàm Vĩnh Hưng dễ có những hành động “không giống ai” và dễ có những phát ngôn gây sốc và xôn xao dư luận? Xin hãy nghe ca sĩ này khẳng định với báo chí: “*Tôi là một nghệ sĩ toàn năng, khả năng của tôi thế nào tôi biết. Tôi thích làm những điều người khác không dám làm, ít làm... Tôi thích gây shock khiến người ta phải ngoái nhìn*” (năm 2009).

Trả lời báo chí trước khi Cục Nghệ thuật biểu diễn lên tiếng về việc đóng vai Bác sĩ Cát Tường, Đàm Vĩnh Hưng tuyên bố: “*Halloween là lễ hội hóa trang, tôi chỉ đến đó chơi. Trong đêm, người ta làm rất nhiều bộ trang phục để hóa trang như đồ tù nhân, đồ y tá... vì đây là lễ hội hóa trang, người ta phải được mặc cái gì mình thích chứ*”.

Hành động và phát ngôn của ca sĩ họ Đàm nói lên “chân lí” này: muốn hay thích làm bất cứ điều gì, đó là quyền tự do của anh, không ai có quyền ngăn cấm cả.

Có đúng Tự do là muốn (hay thích) làm gì thì làm không?

Quyền tự do

Ai cũng thích thực hiện một “điều muốn” được xem là tốt nhất, có ích cho bản thân, hoặc cho cộng đồng. Siêu sao làng nhạc Việt Nam đã làm như vậy và cũng ý thức những gì anh đã làm, dám chịu trách nhiệm, nếu không vậy thì không có câu phát ngôn đầy thách thức trước những lời chửi bới không thương tiếc của dân cư mạng ngày 31.10: “*Ai không hiểu, đang chỉ trích, chửi bới tôi, tôi xin nhắn nhủ họ: Cách tốt nhất để một ai đó chìm vào quên lãng, là đừng bao giờ thêm đả động đến họ. Được mọi người quan tâm, tôi thấy mình đang hot hơn bao giờ hết trong suốt 16 năm qua. Kiểu này thì Đàm Vĩnh Hưng còn sống dài dài. Chân thành cảm ơn*”. Tuy nhiên, ca sĩ họ Đàm đã chưa khi nào nghĩ đến hậu quả những việc làm, lời nói của mình cả. Một hành vi có tự do thực sự khi bạn biết cân nhắc suy nghĩ đến hậu quả việc làm, ý thức lựa chọn và dám chịu trách nhiệm.

Tự do và phẩm giá con người

Mi An, tác giả bài báo ‘Đàm Vĩnh Hưng – Hồ thẹn của văn hóa’ viết trên Đất Việt online: “*Vụ việc ở thẩm mỹ Cát Tường là một nỗi đau chung của toàn xã hội, những người có lương tri hẳn sẽ cảm thấy xấu hổ khi đồng loại của mình lại có những hành động phi nhân tính như thế - đây không*

chỉ là nhận định riêng của tác giả - chung hết của những con người có nhân phẩm. Những người thân của nạn nhân xấu số chưa tìm thấy xác sẽ cảm thấy thế nào, những bác sĩ chân chính khác, những người đang vất vả lo cứu chữa người bệnh trong các bệnh viện sẽ cảm thấy ra sao khi nhìn thấy chiếc áo blouse trắng của mình bị đem ra để cười nhạo vô lương tâm như vậy?"

Hành vi tự do đích thực còn biểu lộ nhân cách, phẩm giá con người

Kitô giáo khẳng định giá trị con người một cách dứt khoát, rõ ràng: *Con người được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa. Vì thế, con người có phẩm giá của một ngôi vị; họ không phải là một sự vật, nhưng là một con người có khả năng nhận thức về bản thân mình, tự hiến mình cách tự do và đi vào sự hiệp thông với Thiên Chúa và với tha nhân. (Toát yếu Sách Giáo lý của HTCG, số 66)*

Chính vì con người có nhân vị, có phẩm giá nên con người có quyền tự do lựa chọn: *"Phẩm giá làm người đòi hỏi họ phải hành động theo sự lựa chọn có ý thức và tự do, nghĩa là chính con người được thúc đẩy và hướng dẫn tự bên trong, chứ không do bản năng mù quáng hay bị cưỡng chế từ bên ngoài."* (x.GS, 17)

Chính vì được tự do tự quyết định, con người chịu trách nhiệm về cách sống của mình.

Cũng cần nói thêm, không riêng ca sĩ Đàm Vĩnh Hưng, rất nhiều bạn trẻ Việt Nam ngày hôm nay đang tìm mọi cách khẳng định giá trị con người của mình: bằng cấp, danh vọng, tiền tài. Những thứ mà họ đang muốn tìm kiếm, củng cố đó không làm nên giá trị con người, chúng chỉ là phương tiện. Giá trị con người đích thực nằm ở lối sống của bạn như thế nào đó để nói lên bạn là con người có phẩm giá và nhân vị.

Tự do trong lễ luật, trong khuôn khổ
Một xã hội chỉ có thể phát triển tốt đẹp khi phẩm giá con người được

tôn trọng và tự do làm điều tốt được cộng đồng khuyến khích, luật pháp bảo vệ.

Nói đến luật, lễ luật hay những từ ngữ khác mang tính luật như điều lệ, quy chế.v.v. chúng ta liền tưởng đến tính cưỡng chế, bó buộc, áp đặt.

Luật được hình thành là để ngăn ngừa "tôi muốn làm gì thì làm", chẳng những không tước đoạt quyền tự do mà còn gia tăng giá trị sự tự do. Luật dân sự được viết ra là để duy trì và thăng tiến các mối quan hệ xã hội khi bộ luật đó được chính quyền xây dựng trên cơ sở tôn trọng các nhân quyền và tìm mọi cách để bảo vệ chúng.

Văn thư "hỏa tốc" của Cục trưởng Cục Nghệ thuật biểu diễn nói trên, là loại văn thư mang tính hành chính: để cảnh báo, để nhắc nhở hơn là văn thư thuộc tính luật pháp, thường không đủ rắn đe. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi ca sĩ họ Đàm 'đã nhiều lần vi phạm'.

Tự do làm điều thiện

"Tự do là một khả năng chọn làm điều thiện với một trách nhiệm."

Thánh Thomas d'Aquin

Điều thiện nói chung và với quan điểm xử thế ở đời, là hành động, lời nói hay ý nghĩ tốt, thường đem lại an vui, hạnh phúc cho chính mình, cho người khác hoặc cho cả hai. Khiến người thương mến, thích thân cận, có tác dụng tốt, đem đến kết quả mong đợi. Đối lập với thiện là ác, ác có nghĩa là hành động, lời nói hay ý nghĩ xấu thường gây tai họa, đau khổ cho chính mình hay cho người khác hoặc cho cả hai. Thiện là những gì nên làm và đem lại lợi ích chính đáng. Ác là những gì không nên làm và phải tránh, nếu làm là đem lại đau khổ.

Ai cũng có kinh nghiệm hạnh phúc, vui sướng khi tự do làm một điều thiện.

Khao khát tự do làm điều thiện chỉ có thể có trong một xã hội khi quyền tự do tôn giáo được công nhận và bảo vệ.

"Quyền sử dụng tự do là một đòi hỏi

không thể tách rời khỏi phẩm giá con người, đặc biệt trong lãnh vực tâm lý và tôn giáo. Luật dân sự phải công nhận và bảo vệ quyền này, trong giới hạn công ích và trật tự công cộng." (GLCG, số 1738)

Một chính quyền muốn phục vụ cho lợi ích căn bản của con người, có trách nhiệm tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để con người được tự do phát triển điều thiện, điều tốt và phải thực hiện cho được tình trạng quân bình giữa các nhu cầu căn bản của cá nhân và cộng đồng.

Scandal của Đàm Vĩnh Hưng còn phản ảnh bộ mặt thực của làng showbiz Việt, ở đó, có sự cộng hưởng của giới truyền thông. Việt Nam đầy 'sao' và truyền thông thời phong: sao ca nhạc, sao bóng đá, sao khiêu vũ, không chỉ ở những bài báo mà còn được 'lăng-xê' bằng những show truyền hình. Nói rộng ra, scandal này cũng còn phản ảnh thực trạng xã hội Việt Nam hôm nay đầy chuyện rùng mình:

"Xã hội Việt Nam, như trình bày trên chính truyền thông nước này liên tục khiến người xem, người đọc 'giật mình', 'rùng mình', 'ngạc nhiên', 'sửng sốt', 'hốt hoảng', 'sốc' hay 'điếng người'. Truyền thông và báo chí ngập những chuyện dâm tục, thiếu chuyện nghiêm túc; Giao thông chật cứng các vấn đề và ồn ào phát ngôn nhưng kẹt về giải pháp; Giáo dục và y tế đều chứa chất các bệnh kinh niên không lối ra; Đại biểu Quốc hội lo bàn chuyện xử lý mua bán dâm thay vì chất vấn các tập đoàn lỏ hàng tỷ USD và chính sách sai khiến doanh nghiệp phá sản hàng loạt; Các vấn đề nghiêm trọng trong điều hành kinh tế, trong an ninh xã hội nội bộ của Việt Nam đến từ chỗ giới quan chức từ cấp bộ xuống địa phương hoạt động thiếu các quy tắc và chuẩn mực rõ rệt..." (xem: <http://www.gocnhinalan.com/bai-cua-khach/gc-nhn-bbc-vit-nam.html>)

Minh vì mọi người và mọi người vì mình

Tự bản chất, con người là một hữu thể xã hội. Không ai sống một mình. ►

*Tự do đòi hỏi rất nhiều ở mỗi người.
Đi cùng với tự do là trách nhiệm. Với người
không sẵn sàng trưởng thành, người không
muốn mang sức năng của chính mình,
đây là một viên cảnh đáng sợ.*

ELEANOR ROOSEVELT



► Sống là sống cùng, sống với, sống có sự tương quan. Tương quan hỗ tương giữa từng cá nhân với cộng đồng và ngược lại, nghĩa là “theo cách của một hữu thể tự do và có trách nhiệm, vừa nhìn nhận nhu cầu phải tham gia cộng tác với các hữu thể khác, vừa có khả năng hiệp thông với họ cả trong hiểu biết lẫn yêu thương.” (TLHTXH, số, 149)

Vì tương quan hỗ tương giữa cá nhân và xã hội, Jean-Jacques Rousseau (1712 - 1778) khi bàn về tự do đã không ngần ngại đề cập đến ‘Khế ước xã hội - Contrat Social’ “Với khế ước xã hội, con người mất đi cái tự do thiên nhiên và hạn chế cái quyền được làm những điều muốn làm mà làm được; nhưng mặt khác, con người thu lại quyền tự do dân sự và quyền sở hữu những cái mà anh ta có”. Cũng trong tác phẩm “Du Contrat Social”, ông viết “làm theo kích thích của dục vọng là nô lệ, mà tuân theo các quy tắc mà mình đặt ra là tự do”.

Khế ước xã hội là sự thỏa thuận giữa hai bên: cá nhân tự nguyện nhượng bớt quyền tự do cho xã hội và xã hội, qua luật pháp (đặc điểm các quốc gia dân chủ) bảo vệ và tạo điều kiện cho mọi người tự do phát huy quyền làm người của mình khi nhận thức sự tự do của mình có liên quan đến sự tự do của người khác.

Rõ ràng, tự do không phải là muốn làm gì thì làm

Nói tự do là muốn làm gì thì làm không hẳn hoàn toàn sai! Nói đi thì phải nghĩ lại, tự chính mệnh đề “muốn làm gì thì làm” đã góp phần làm sáng tỏ ý nghĩa tự do, vì “muốn” là có chọn lựa, cần suy nghĩ để chọn lựa. Kết quả của một điều “muốn” là hành vi của một con người ý thức, biết nhận lãnh trách nhiệm.

Không phải tự nhiên mà có câu nói quá quen thuộc “Tự do là muốn làm gì thì làm”, do ảnh hưởng quan niệm về quyền tự do của nhà triết học, nhà tư tưởng lớn người Anh **John Locke** (1632 - 1704). Locke luôn đấu tranh chống lại chủ nghĩa chuyên chế và có những đóng góp lớn đối với chủ nghĩa tự do cả về mặt cá nhân lẫn mặt thể chế. Theo ông: Tự do là khả năng con người có thể làm bất cứ điều gì mà mình mong muốn mà không gặp bất kỳ cản trở nào. Quan niệm này của ông đã bị lạm dụng, nảy sinh nhiều tiêu cực làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội, làm phương hại đến sự phát triển của mỗi cá nhân cũng như cả cộng đồng.

Trong ước muốn có lựa chọn “muốn cái này và muốn cái kia”. Chẳng ai muốn một điều mà không suy nghĩ, không cân nhắc. Tôi là một con người, theo quan niệm Á Đông ‘nhân linh ư

vạn vật’ và Tây Phương, Triết gia Blaise Pascal (1623 - 1662) nói: “Con người là cây sậy yếu ớt nhất trong thiên nhiên nhưng là cây sậy biết suy nghĩ”. Thật vậy, con người hơn các tạo vật khác ở chỗ có lý trí, biết suy tư, biết tự hỏi.

Tự do theo kiểu “muốn làm gì thì làm” có thể đẩy con người đến ích kỷ. Một thế giới đầy người ích kỷ dẫn tới sự tranh chấp, trong đó không ai chịu hy sinh quên mình vì thiện ích chung.

Vậy, Đàm Vĩnh Hưng có những phát ngôn, hành động làm dư luận bức xúc là đúng hay sai và đâu là giới hạn của tự do để ca sĩ này không hành xử tùy tiện?

Bên cạnh những luồng dư luận phê phán, vẫn còn không ít dư luận bênh vực nếu không nói là tán thành việc làm vừa qua của ca sĩ này. Trong xã hội, “đúng” và “sai”, “phải” và “trái” luôn đồng hành với nhau, hai mặt của cuộc sống, và hầu như không có một chuẩn mực đạo đức nào cho phép chúng ta kết án. Cần nhìn nhận sự kiện diễn ra nói trên đây một cách thấu đáo. Đàm Vĩnh Hưng chỉ vui đùa ngày lễ hội hóa trang và không có ý gì khác, anh nói: “Tôi hoàn toàn không có ý bêu riếu ai bởi bản thân gia đình tôi cũng có nhiều nỗi đau, nhiều ngang trái. Tôi không thể vô tâm tới mức động vào nỗi đau của người khác.”

Và nói đến tự do ở đây của ca sĩ này, giả như anh ý thức giá trị con người của mình, giá trị của cuộc sống, thì anh luôn biết đâu là điểm dừng hợp lý. Anh có quyền “làm điều anh muốn”, nhưng không được xâm hại đến sự tự do, quyền lợi hay cảm xúc của người khác.

Để làm nổi bật giá trị của hai tiếng tự do, và để cho cuộc sống luôn có nhiều điều tốt đẹp: khi bạn “muốn làm gì” xin hãy ghi nhận luật vàng này: “Điều gì ta không muốn người khác làm cho mình, thì cũng đừng làm cho họ.” ♦



Hỏi đáp về Giáo Huấn Xã Hội

◆ Đan Quang Tâm

1. Tự do là gì?

Chân lý, tự do, công bằng và tình yêu là bốn giá trị căn bản để xây dựng xã hội. Bốn giá trị này được Giáo huấn Xã hội Công giáo đề cao, Đức Gioan XXIII nêu lên trong Thông điệp *Pacem in Terris* và Công đồng Vatican II lập lại trong Hiến chế *Gaudium et Spec*.

Thế nào là tự do theo Giáo huấn Xã hội?

Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo định nghĩa: “Tự do là khả năng, bắt nguồn từ lý trí và ý chí, có thể hành động hay không hành động, có thể làm việc này hoặc việc khác, và như vậy, tự mình làm những hành động có ý thức. Nhờ có ý chí tự do, mỗi người tự quyết định về chính bản thân mình. Trong con người, sự tự do là một sức mạnh để tăng trưởng và trưởng thành trong chân lý và điều thiện. Sự tự do đạt tới mức hoàn hảo, khi nó được quy hướng về Thiên Chúa, là vinh phúc của chúng ta” (1731).

Sách Giáo lý Giới Trẻ (bản tiếng Anh) định nghĩa: “Tự do là sức mạnh Thiên Chúa ban cho ta để ta có thể hành động theo điều ta muốn làm; khi ta có tự do đích thực, ta không còn hành động dưới ảnh hưởng của bất kỳ ai” (YouCat, 286).

Tự do đích thực là một lời mời gọi sống theo một trật tự đúng đắn. Xã hội trần thế hiểu tự do là làm những gì mình mong ước. Tự do đích thực là tự do có trách nhiệm. Tự do muốn làm gì tùy thích mà không có trách nhiệm là tự do giả mạo.

Tự do mà Giáo huấn Xã hội đề cao là tự do gắn liền với trách nhiệm, không phải thứ tự do vô trách nhiệm, như lời khẳng định của Đức Gioan Phaolô II: “Tự do không hề tại ở chỗ làm những gì ta thích, mà ở chỗ có quyền làm những điều ta phải làm”.

Không phải thứ tự do làm những gì mình muốn, nhưng mà sự tự do làm điều chúng ta phải làm mới là “dấu chỉ cao nhất nơi con người về việc con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, và do đó, là dấu chỉ về phẩm giá cao quý của mỗi nhân vị” (TLHTXH, 199).

Giáo huấn Xã hội nêu rõ, tự do cần được thực thi trong tinh thần trách nhiệm và tôn trọng tự do của người khác:

“Tự do được thực thi trong các tương quan giữa người với người. Mỗi nhân vị, được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, có quyền tự nhiên được công nhận như một hữu thể

tự do và có trách nhiệm. Mọi người có bổn phận tôn trọng quyền này của mỗi người. *Quyền thực thi tự do*, nhất là trong các vấn đề luân lý và tôn giáo, là một đòi hỏi không thể tách biệt khỏi phẩm giá của nhân vị” (TLHTXH, 199).

2. Tự do được thể hiện như thế nào?

Tự do không phải là một thứ vải nhuộm chỉ có một màu và một kích cỡ. Tự do cho phép tự thể hiện bản sắc của mỗi người trong chừng mực một số hạn chế về luân lý và theo đòi hỏi chính đáng của xã hội và cuộc sống chung trong cộng đồng. Giáo huấn Xã hội trình bày về vấn đề này như sau:

“Giá trị của tự do, một biểu hiện cho tính độc đáo của mỗi nhân vị, được tôn trọng khi mọi thành viên trong xã hội được phép

- hoàn thành ơn gọi riêng của mình,
- tìm kiếm sự thật và bày tỏ các tư tưởng tôn giáo, văn hoá và chính trị của mình,
- diễn tả các ý kiến của mình;
- lựa chọn bậc sống, và nếu có thể, lựa chọn ngành nghề cho mình,
- theo đuổi các sáng kiến mang tính kinh tế, xã hội hoặc chính trị.

Những điều này phải được thực hiện trong “một khung pháp lý vững chắc” (Thông điệp *Centesimus Annus*, 42), trong những giới hạn do công ích và trật tự công cộng đặt ra, và trong mọi trường hợp, theo phương cách mang tính trách nhiệm.

Mặt khác, tự do cũng phải được thể hiện

- như khả năng khước từ điều tiêu cực về mặt luân lý, dù nguy trang dưới bất kỳ chiêu bài nào,
- như khả năng xa lánh hữu hiệu những gì có thể cản trở sự phát triển bản thân, gia đình hoặc xã hội” (TLHTXH, 200).

Tự do, như vậy, chỉ gặp được ở trong điều tốt, tuyệt nhiên không bao giờ trong điều xấu. Benjamin Franklin nói rất đúng: “Chỉ có dân tộc đức hạnh mới có khả năng tự do”.

Giáo huấn Xã hội tóm tắt quan điểm của mình về tự do như sau: “Tự do được thể hiện đầy đủ nơi khả năng làm chủ bản thân khi nhắm đến thiện ích đích thực trong bối cảnh công ích phổ quát” (TLHTXH, 200). “Thiện ích đích thực”, tối hậu, chính là Thiên Chúa. Càng hướng về Thiên Chúa, ta càng tự do, thanh thoát.

THIÊN CHÚA LÀM NGƯỜI



◆ Gioankim Nguyễn Văn Châu

Tôi được may mắn đọc Tập san Giáo huấn Xã hội này là do một người bạn tặng và chỉ một số mà thôi. Tập san của Quý vị thật ấn tượng cả hình thức nhất là nội dung vì những chủ đề Quý vị đưa ra rất thực tế, cần thiết cho mọi người nói chung và cho tín hữu giáo dân như chúng tôi nói riêng.

Chúng tôi cũng xin được được chia sẻ một vài 'thắc mắc' đôi điều liên quan đến công bằng. Bài viết này không biết còn phù hợp với những chủ đề của những số báo tiếp theo của tập san không, nhưng tôi nghĩ, mọi vấn đề xã hội luôn liên quan đến Giáo huấn của Giáo Hội về Xã hội mà quý vị đang muốn phổ biến vậy.

+++

"Thiên Chúa làm người" để người được làm Chúa, mà làm sao để người được làm Chúa nếu người không sống theo lời dạy của Đức Giêsu Kitô: **"Anh em hãy nên trọn lành như Cha của anh em là Đấng Trọn Lành"** (Mt, 5, 48) ?

Lạy Chúa, con tạ ơn Chúa, đã qua 68 năm, con được làm người, làm con của Chúa, cứ mỗi năm theo lịch phụng vụ của Hội Thánh Công giáo, đến mùa Vọng, suốt mùa Vọng, tất cả mọi bài đọc Sách Thánh, mọi lời giảng huấn của các Thừa tác viên Lời Chúa, đều xoay quanh mục đích, nhắc bảo mọi Kitô hữu: "... hãy sám hối, hãy tỉnh thức, hãy trông chờ Chúa đến, đường cong hãy uốn cho ngay, chỗ gồ ghề phải lấp cho bằng... vì lưỡi rìu đã kể gốc cây, vì Nước Thiên Chúa đã gần..."

Thân mang kiếp người, sống giữa cuộc đời lắm gian truân, ngập tràn khổ sầu, nhiều điều phải nghiệm suy để tìm ra đâu là Đường, là Sự thật và là Sự sống!

Nhân đầu năm Phụng vụ 2014 bước vào mùa Vọng, tôi quyết tâm nhắm vào một điều, đó cũng chính là một nhân đức Kitô giáo căn bản, sau ba nhân đức đối thần là Tin - Cậy - Mến, là **Đức Công bình**.

"Tôi bảo cho anh biết: anh sẽ không ra khỏi đó trước khi trả hết đồng kềm cuối cùng". (Lc, 12,59). Thật khủng khiếp quá. Lạy Chúa, con thờ lạy Chúa vì Chúa rất công bình và chính trực, trong muôn ngàn lỗi phạm mà con người có mắc phải đối với Chúa và đối với nhau. Khi người biết sám hối, ăn năn đến tội và quyết tâm chữa bỏ, Chúa đều tha thứ hết. **Ngoại trừ tội lỗi Đức Công bình** vì hôm nay thánh sử Luca bảo phải: **"Trả hết đồng kềm cuối cùng"**. Đang miên man suy theo lời thánh Luca, tôi mở sách Kinh Thánh, lại gặp thêm lời cảnh báo của ngôn sứ Khắc Gai, chương 1, câu 5 và 6b: **"Vậy giờ đây, Đức Chúa các đạo binh phán thế này: các người hãy để tâm suy cho kỹ về lối sống của các người... Đồng lương của người làm thuê lọt qua túi thủng"**!

Quả thật, theo Tin mừng cứu độ của Đức Giêsu Kitô và giáo lý của Hội thánh Công giáo thì Đức Công bình luôn luôn là điều buộc đối với mọi Kitô hữu, song song với Đức Ái, bên lòng từ bi và

nhân hậu, chậm thịnh nộ và giàu lòng thương xót của Thiên Chúa làm người. **Để biết thế nào là lỗi Đức Công bình Kitô giáo**, ngoài Thánh kinh, Thánh Truyền, sách Giáo lý Công giáo mà chúng ta đã nghe, đã đọc, đã được chỉ dạy, tôi phải tìm hiểu thêm qua sách “Công đồng Vaticanô II”, xin được trích dẫn:

- + “Luật công bình đi đôi với tình bác ái” (GS,9)
- + “Đức công chính phải được thực hành trước đức ái.” (AA,8)
- + “Phải đối xử với mọi người theo lẽ công bình và tình bác ái” (DH,7)

Tóm lược Học thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo:

+ “Công bình là một giá trị đi kèm với việc thực hành đức tính luân lý căn bản tương ứng. Theo cách hiểu cổ điển nhất, công bình chính là “có ước muốn kiên định và vững chắc trả những gì mình mắc nợ Chúa và tha nhân”. Nếu nhìn từ phía chủ thể, công bình là thái độ xuất phát từ chỗ muốn nhìn nhận người khác như một ngôi vị...” (Số 201)

+ “Tình yêu phải hiện diện và thâm nhập vào bên trong mọi quan hệ xã hội. Điều này đặc biệt đúng đối với những ai chịu trách nhiệm mưu cầu ích lợi cho mọi người. Chính họ “cần phải yêu thương cách mạnh mẽ và cố gắng đánh động nơi người khác lòng bác ái, là bà chủ và là nữ hoàng của các đức tính...” (Số 581).

Thưa Quý bạn đọc, sau khi đã tìm hiểu và sẽ chia những điều phải viết về **Đức Công bình Kitô giáo**, tôi xin gửi đến Quý vị ba sự việc xảy ra, không hiểu **Công bình nằm ở đâu !?**

1) Có người em đến kể chuyện: đã làm việc cho một công ty được 4 năm, nay vừa nhận lệnh của ông Quản đốc: “sau ba ngày sẽ thay đổi công việc: ra cuốc đất, trồng rau!”. Chú tiếp: “Tuổi đời và sức khỏe của em làm sao thi hành lệnh này được, đành xin nghỉ luôn. Em có đến và trình với ông Tổng giám đốc, cũng không gì khác hơn, phải về quê!”. Tôi hỏi: “Chú có tiền về xe không?”. Nhìn nét buồn ngao ngán của chú!... Và lại, tôi biết chú ấy đang phải lo cho mẹ già bệnh nặng điều trị ở bệnh viện Thống Nhất.

2) Thầy giám thị đuổi học sinh ra khỏi lớp: Chuyện xảy ra tại một trường học, một hôm toàn bộ học sinh lớp 12A bị thầy giám thị đuổi ra khỏi lớp, mà không một lời giải thích lý do!?

Cô giáo chủ nhiệm ngần ngại, nín lặng! Cậu học sinh lớp trưởng đấng người, ngờ ngác, cũng làm thinh! Có một cậu học sinh trực tính đã đến trình bày sự việc với ông hiệu trưởng!!! Mãi về sau lâu lắm, mới nghe được nguyên nhân qua lời của một học sinh thân quen với thầy giám thị: “Thầy nói là trong lớp có mấy trò hút thuốc và có trò ở trần”.

3) Tôi có một anh bạn già, có thói quen văng tục trong mỗi câu nói, nhưng lại không chấp nhận cho con mình văng tục. Một hôm cậu con 15 tuổi văng tục khi nói chuyện với bạn cậu, bố cậu tức khắc nổi cơn lôi đình: “... (có 2 tiếng không viết được) tại sao bố đã cấm không được... mà mày vẫn văng tục” và liền sau đó là một cái “bốp” vào mặt, cậu bé tá hỏa, vừa khóc, vừa nói: “Tại sao bố văng tục thì được, mà con không được nói điều bố nói?”

Để kết thúc những chia sẻ trên, tôi vui mừng xin được cảm ơn và trích đăng theo Tập san số 8, tháng 05/2013, trang 12 và 15:

“Sẽ không quá lời khi Giáo huấn xã hội xem bốn điểm trên đây là “giá trị cốt lõi”. Từ việc nhà, bạn cũng có thể suy ra việc nước. Khi người cha, người mẹ dùng quyền hành của mình buộc con cái (tức quyền tự do) phải răm rắp vâng phục, vì vậy, con cái không dám lên tiếng nói thẳng, nói thật những suy nghĩ của chúng (đôi lúc sợ quá, chúng phải nói quanh, nói dối). Trong bối cảnh này công bằng vắng bóng, vì phẩm giá và quyền lợi của con cái đang bị cha mẹ tước đoạt (x.TLHT số 202). Nền tảng của gia đình (xã hội thu hẹp) chỉ có thể “tốt đẹp, đích thực và mới mẻ” khi sự thật, tự do, công bằng được xây dựng bằng tình yêu.

Nếu bạn muốn người ta nghe một thông điệp tình yêu, bạn phải gửi nó đi. Để giữ cho một ngọn đèn cháy mãi, bạn phải cho thêm dầu vào đèn: “Vào ngày cánh chung, chúng ta sẽ không được xét xử bởi số bằng cấp chúng ta có, tích lũy được bao nhiêu tiền và chúng ta sử dụng chúng làm sao. Bấy giờ chúng ta sẽ bị xét xử vì “Khi Ta đói các ngươi đã không cho Ta ăn. Khi Ta trần truồng các ngươi đã không cho Ta áo quần để mặc. Khi Ta không nơi nương tựa, các ngươi đã không cho Ta tá túc”. “Nếu bạn muốn sứ điệp yêu thương này được lắng nghe, bạn nên chia sẻ. Để giữ cho ngọn đèn luôn thấp sáng, bạn phải đổ dầu cho đầy”.

Kính chào và cầu chúc bình an dưới thế cho người thiện tâm. ♦

Đức Giêsu Kitô & Giáo Hội của người nghèo

◆ Tôma Hoàng Kim Khánh

C húa Giêsu giáng sinh là tin vui cho những người nghèo-khổ, những người bất hạnh và bị bỏ rơi,... vì Ngài đến để giúp họ được nâng cao, được tôn trọng như mọi người khác.

Con Thiên Chúa đến với thân phận thấp hèn, nghèo khó

Tin Mừng trong Thánh lễ đêm kính Chúa Giêsu giáng sinh (2013, Phụng vụ năm A, Lc 2,1-14) câu 5-7 viết, “Ông (Giuse) lên đó (thành vua Đavít) khai tên cùng với bà Maria là người đã thành hôn với ông, lúc ấy bà (Maria) đang có thai. Khi hai người đang ở đó, thì bà Maria đã tới ngày mãn nguyệt khai hoa. Bà sinh con trai đầu lòng, lấy tả bọc con, rồi đặt nằm trong máng cỏ, vì hai ông bà không tìm được chỗ trong nhà trọ.”

Chương trình cứu độ loài người của Thiên Chúa được khởi sự qua lời “Xin vâng” của Đức Maria và được thực hiện nơi Đức Giêsu Kitô Con Thiên Chúa bằng việc giáng sinh làm người - trong thân phận thấp hèn, nghèo khó - “... làm sống lại niềm hy vọng chắc chắn nơi các Kitô hữu về một Trời mới và Đất mới.” (Giáo huấn Xã hội Công giáo, số 56)

Đức Giêsu Kitô, con Thiên Chúa, hiện thân của người thấp hèn, nghèo khó

- Đức Giêsu đã chọn sinh ra trong thân phận một người thấp hèn, nghèo khó.

- Ngài đã sống một cuộc đời nghèo khó, đến mức “Con chồn có hang, chim trời có tổ, Con Người không có chỗ gối đầu” (Mt 8,20).

- Ngài tuyên bố sứ mạng của Ngài với mọi người hiện diện lúc bấy giờ (Lc 4,16-19), qua lời tiên tri Isaia rằng, “*Thần khí Chúa ngự trên tôi, vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn*” (Is 61,1-2). Và qua câu trả lời các môn đệ của Gioan tiền hô khi họ hỏi Ngài có phải là Đấng thiên sai không, “*Các anh về thuật lại cho Gioan những gì mắt thấy tai nghe: người mù xem thấy, kẻ què đi được, người phong cùi được lành sạch, người điếc nghe được, kẻ chết sống lại, người nghèo được nghe Tin Mừng*” Đức Giêsu muốn khẳng định, Ngài là Con Thiên Chúa, là Đấng thiên sai, vì dấu chỉ hiển nhiên của Đấng thiên sai là hành động lựa chọn đứng về phía người nghèo khổ, bé mọn, tật nguyền, xấu số,...(Mt 11,4-5).

- Suốt ba năm ngược xuôi rao giảng Tin Mừng, Đức Giêsu luôn đồng hành và gắn gũi với những người thấp hèn, nghèo-khổ, Ngài tự đồng hoá với họ. Những gì chúng ta làm cho họ là làm cho chính Ngài. Những gì chúng ta không làm cho một trong những người bé mọn nhất của nhân loại khổ đau này là đã không làm cho chính bản thân Ngài (Mt 25,34-36).

Giáo Hội do Đức Giêsu Kitô thiết lập là Giáo Hội của người nghèo

Trên nền tảng của Thánh Kinh, Chúa Giêsu Kitô thiết lập Giáo Hội của Ngài, và Giáo hội ấy “*vì và cho*” người thấp hèn, nghèo khó, ...

1. Trong Cựu ước

Thiên Chúa được ca ngợi là Đấng nuôi dưỡng cô nhi, bệnh đỡ quả phụ,

giải phóng người bị tù đầy, xử phạt quân phản nghịch, ... (Tv 68,6-7; 103,6; 145,14; 146,6-9); là Đấng bảo vệ và bênh vực người nghèo, lên án tình trạng bất công xã hội, và đưa ra các biện pháp để bảo vệ quyền lợi của người nghèo (Đnl 24,19-22; 23,25-26).

Sách Đệ nhị luật ghi rõ những qui tắc để bảo vệ người nghèo, như định kỳ bảy năm, năm mươi năm họ được tha nợ, xóa nợ, ... (Đnl 15,1-2); (Lv 25,10); không được bóc lột người làm thuê nghèo, chủ thuê phải trả tiền công cho họ trước khi mặt trời lặn vì họ nghèo khổ cần tiền để sống (Đnl 24,14-15); (Lv 19,13).

Lễ nghi phụng tự có vai trò quan trọng trong đời sống của cộng đoàn Dân Chúa thời Cựu ước, nhưng lễ tế chỉ được Thiên Chúa chấp nhận khi người tế lễ phải đạo hạnh, công bằng và sống tình liên đới (Amos 5,21-24), phải làm điều thiện, kiếm lễ công bằng, sửa phạt người áp bức, xử công minh cho cô nhi, biện hộ cho quả phụ (Is 1,13-17), và ... mở xiềng xích, tháo gông cùm, trả tự do cho người áp bức, ... chia cơm cho người đói, rước vào nhà người nghèo không nơi trú ngụ, cho người trần áo che thân ...” (Is 58,6-7).

Ước mơ của Cựu ước là “*làm sao không còn người nghèo khổ trong lòng dân tộc được tuyển chọn*” (Đnl 15,4).

2. Trong Tân ước

Đức Giêsu Kitô tiếp nối và kiện toàn chương trình cứu độ của Thiên Chúa, nhưng nét độc đáo của Đức Kitô là đã liên kết tính phổ quát của tình yêu Thiên Chúa với việc ưu tiên chọn lựa dành cho người bị thua thiệt.

Chính Ngài đã thực hiện trọn vẹn sứ vụ của Đấng Messia mà các tiên tri đã loan báo. “*Khi Người đến mắt người mù sẽ được nhìn thấy. Tai người điếc sẽ được nghe. Người câm nói được và người què nhảy nhót như nai*”.

3. Trong truyền thống của Giáo Hội

Lịch sử Giáo Hội cho thấy, ngay từ thời Giáo Hội còn sơ khai, các giáo phụ, các Thánh tiến sĩ đã từng lên tiếng mạnh mẽ tố cáo tình trạng bất công xã hội, bệnh vực người bị áp bức, nghèo khó.

Đến thời hiện đại, từ cuối thế kỷ 19 đến ngày nay, Giáo Hội qua:

- Thông điệp “Tân Sự” (1891) của Đức Giáo hoàng Lêô XIII,
- Thông điệp “Tứ thập niên” (1931) của ĐGH Piô XI,
- Các Thông điệp “Mẹ và Thầy” (1961), “Hòa bình trên Thế giới” (1963) của ĐGH Gioan XXIII,
- Thông điệp “Phát triển các Dân tộc” (1967), “Tông thư Bát thập niên” (1971) của ĐGH Phaolô VI,
- Thông điệp “Lao động của con người” (1981), “Quan tâm đến các vấn đề xã hội” (1987), “Bách chu niên” (1991) của ĐGH Gioan Phaolô II.
- Thông điệp “Tình yêu trong chân lý” (2009) của ĐGH Bênêđictô XVI.
- Đặc biệt, Hiến chế “Vui mừng và hy vọng” (1965) và Tuyên ngôn “Phẩm giá con người” (1965) của Công đồng Vatican II.

Và những huấn giáo của Đức đương kim Giáo hoàng Phanxicô gần đây, đã xem những vấn đề liên quan đến người nghèo, người bị áp bức, ... là những vấn đề của giáo hội. Giáo hội có nhiệm vụ là tiếng nói thay cho những người không có tiếng nói, đứng về phía họ, bảo vệ các nạn nhân của bất công, bạo lực.

Giáo hội thể hiện “Ưu tiên chọn lựa người nghèo” bằng cách nâng đỡ, bảo vệ và đem lại hạnh phúc cho họ qua vô số những công tác từ thiện. Giáo hội yêu những người nghèo, tình yêu này bắt nguồn từ Tin Mừng của Bát Phúc, từ nếp sống nghèo của Đức Giêsu và sự ân cần của Người đối với người nghèo...” (Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo số 184).

Lời nguyện

Lạy Chúa Giêsu Kitô, cùng với toàn thể nhân loại, chúng con hân hoan mừng kính Chúa Giáng sinh, xin giúp chúng con trong dịp này, hiểu được ý Chúa khi đến với chúng con trong phận người nghèo khó, để chúng con thêm lòng yêu mến, sẵn lòng cùng với Giáo Hội phục vụ những anh chị em nghèo khổ đang sống cùng với chúng con. ♦

Hang đá

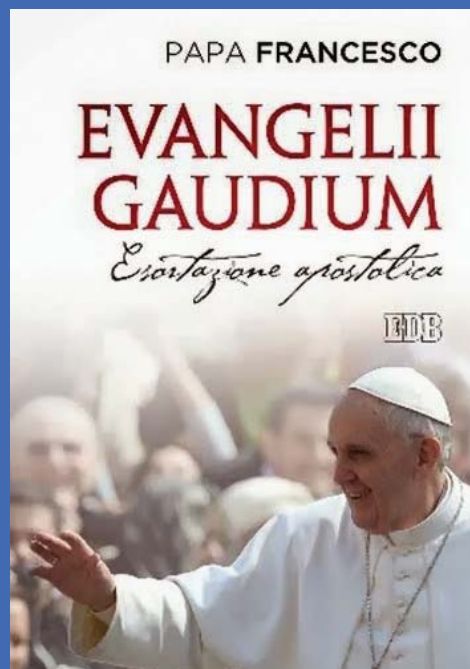
*Con lặng lẽ say ngắm nhìn Hang Đá
Một gia đình có Con và Mẹ Cha
Dù nghèo khó nhưng hạnh phúc chan hòa
Những ánh mắt nhìn nhau đầy tình cảm
Mẹ lặng lẽ ôm Con và trịu mến
Cha âm thầm, đáng nghiêm nghị, trầm tư
Những mục đồng lảng xãng rất đơn sơ
Đàn súc vật nhìn đáng yêu biết mấy!
Những ánh sao lấp lánh trong đêm tối
Tuyết phủ đầy, lạnh giá cả đất trời
Nhưng chan hòa bình an khắp nơi nơi
Vì đêm nay Con Chúa Trời giáng thế
Phàm nhân ơi, thật là hạnh phúc quá!
Chính Ngôi Lời đã đến với loài người
Dù loài người hoàn toàn bất xứng thôi
Không thể đủ từ ngữ mà diễn tả
Tâm hồn con xin được làm hang đá
Đón Giêsu Hài Đồng lúc hạ sinh
Lòng hôi tanh nhưng Chúa vẫn thương tình
Con vững tin Ngài đến để cứu độ
Linh hồn con nhỏ nhoi một hang đá
Nhân đức ít mà tội lỗi quá nhiều
Nhưng khao khát trọn vẹn niềm tin yêu
Xin Giêsu ở hang-đá-con mãi!*

♦ TRÂM THIÊN THU



Hai ngày sau ngày đại lễ Chúa Kitô Vua vũ trụ 24-11-2013, và cũng là ngày bế mạc Năm Đức Tin, Đức Thánh Cha Phanxicô đã ban hành **TÔNG HUẤN EVANGELII GAUDIUM (Niềm Vui Phúc Âm)**. Xin gửi đến bạn đọc một vài trích đoạn liên quan đến **Giáo huấn của Giáo Hội về các vấn đề xã hội**. (-BBT)

182. [...] “Nhiệm vụ loan báo Tin Mừng bao hàm và đòi hỏi việc thăng tiến toàn diện mọi người. Ta không còn có thể nói rằng tôn giáo phải được giới hạn trong lĩnh vực riêng tư và chỉ tồn tại để chuẩn bị thiên đàng cho các tâm hồn. Ta biết rằng Thiên Chúa muốn con cái của Người được hạnh phúc, ở dưới đất này, mặc dù được mời gọi đến sự viên mãn đời đời, vì Người đã tạo ra tất cả mọi sự “cho chúng ta hưởng dùng” (1 Tm 6,17), cho tất cả mọi người thưởng thức. Thế thì việc hoán cải người Kitô hữu cần được xem lại, đặc biệt là các lĩnh vực và các mặt của đời sống “có liên quan đến trật tự xã hội và việc thực hiện công ích”.



183. Kết quả là, không ai có thể đòi hỏi tôn giáo phải giới hạn vào phạm vi riêng tư của cuộc sống cá nhân, không có bất kỳ ảnh hưởng nào đến đời sống xã hội và quốc gia, không bận tâm đến sự lành mạnh của các tổ chức xã hội dân sự, không có quyền bày tỏ ý kiến về những biến cố ảnh hưởng đến xã hội. Ai dám cho mình được khóa kín trong một ngôi nhà thờ và làm câm bặt sứ điệp của Thánh Phanxicô Assisi và Chân Phước Têrêsa thành Calcutta? Các ngài không thể chấp nhận điều này. Một đức tin đích thực - là đức tin không bao giờ thoải mái hoặc hoàn toàn có tính cách cá nhân - luôn luôn bao hàm một ước muốn sâu xa thay đổi thế giới, truyền tải các giá trị, làm cho trái đất này có phần tốt đẹp hơn khi ta ra đi. Ta yêu mến hành tinh kỳ diệu này, nơi Thiên Chúa đã đặt ta vào, và ta yêu thương nhân loại sinh sống trên đó, với tất cả các bi kịch và các đấu tranh của nó, với các hy vọng và các khát vọng của nó, với các điểm mạnh và các điểm yếu của nó. Trái đất là ngôi nhà chung của ta và tất cả chúng ta đều là anh chị em. Nếu quả thực “trật tự công bằng của xã hội và của Nhà nước là nhiệm vụ chính yếu của chính trị”, thì Giáo Hội “không thể và không được đứng yên bên lề cuộc đấu tranh cho công lý”. Tất cả các Kitô hữu, kể cả các mục tử, được mời gọi chăm lo xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn. Điều này là cốt yếu, bởi vì tư tưởng xã hội của Giáo Hội chủ yếu là tích cực chủ động: tư tưởng ấy đưa ra các đề nghị, hướng đến hành động có sức biến đổi và theo nghĩa này, không ngừng là một dấu chỉ của hy vọng nảy sinh từ trái tim yêu thương của Đức Giêsu Kitô. Đồng thời, nó kết hợp “những nỗ lực của nó với các nỗ lực trong lĩnh vực xã hội của các Giáo Hội và Cộng Đoàn Giáo Hội khác, dù ở mức độ suy tư về tín lý hoặc ở mức độ thực hành”.

184. Đây không phải lúc hoặc nơi để xem xét một cách chi tiết nhiều vấn đề xã hội quan trọng ảnh hưởng đến thế giới ngày nay, một số vấn đề đó tôi đã có bàn tại chương hai. Tông huấn này không phải là một tài liệu xã hội, và để suy tư về các chủ đề khác nhau đó, ta có một công cụ rất thích hợp ở trong sách Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo Hội, mà tôi hết lòng đề nghị sử dụng và nghiên cứu”.